BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 42/2026
Từ 26/10 - 29/10/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

BAN BÍ THƯ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Thay mặt Ban Bí thư, đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú đã ký Quyết định ban hành Chương trình cải cách hành chính trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030 (Quyết định số 495-QĐ/TW, ngày 20/10/2026).



Đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư

Điều 2 của Quyết định số 495 nêu: Ban Bí thư giao Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình. Văn phòng Trung ương Đảng là Cơ quan Thường trực của Chương trình, có nhiệm vụ tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo tình hình triển khai.

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Chương trình cải cách hành chính trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 495-QĐ/TW nêu rõ 4 quan điểm, gồm:

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng là nội dung quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; gắn với tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh trọng tâm từ sắp xếp tổ chức bộ máy sang nâng cao chất lượng vận hành, phối hợp và tổ chức thực hiện; góp phần nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược, rút ngắn thời gian cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng phải gắn với đổi mới tư duy, lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số; phòng, chống lãng phí, kiên quyết chống bệnh hình thức. Cải cách hành chính giữ vai trò dẫn dắt, công nghệ số là phương tiện; các nhiệm vụ về hạ tầng, nền tảng, kỹ thuật số được thực hiện thống nhất với Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, không trùng lặp nhiệm vụ và nguồn lực.

Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng không làm thay đổi nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thẩm quyền của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc theo Điều lệ Đảng và quy định của Trung ương; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn; lấy chất lượng tham mưu, kết quả thực hiện nhiệm vụ, hiệu quả phối hợp, tiến độ xử lý công việc, mức giảm gánh nặng hành chính và sự hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên, người dân làm thước đo.

Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng bảo đảm liên thông, đồng bộ với cải cách hành chính nhà nước và cải cách hành chính trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Các cơ quan đảng gương mẫu, đi đầu, tạo sức lan toả trong toàn hệ thống chính trị.

Mục tiêu chung là xây dựng nền hành chính trong các cơ quan đảng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, kỷ luật, kỷ cương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm vận hành thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở; đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm; nâng cao chất lượng phối hợp, quản lý công việc theo mục tiêu, tiến độ, kết quả và chất lượng sản phẩm; sử dụng dữ liệu tin cậy phục vụ công tác tham mưu, ra quyết định; đề cao trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; bảo đảm tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật của Đảng.

Lộ trình thực hiện:

Giai đoạn 2026 - 2027: Tập trung hoàn thiện thể chế, quy định, quy chế và cơ chế phối hợp; rà soát, đơn giản hoá, chuẩn hoá quy trình, thủ tục, chế độ thông tin, báo cáo và dữ liệu; xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính trong các cơ quan đảng và xác lập số liệu kỳ gốc; đạt các chỉ tiêu cơ bản tại các cơ quan đảng ở Trung ương và cấp tỉnh; thiết lập đồng bộ các điều kiện nền tảng; thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động công vụ.

Giai đoạn 2028 - 2029: Mở rộng đồng bộ đến cấp xã các nghiệp vụ, ứng dụng trên cơ sở hạ tầng, điều kiện nền tảng đã hình thành; mở rộng xử lý công việc, thông tin, báo cáo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát trên môi trường số; tăng cường kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ

liệu; ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát vào các nhóm công việc ưu tiên, bảo đảm an toàn, hiệu quả, cắt giảm gánh nặng hành chính.

Đến năm 2030: Cơ bản hình thành mô hình quản trị số trong các cơ quan đảng; hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tham mưu, tổng hợp, kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ yếu trên môi trường số, bảo đảm đo lường được kết quả và xác định rõ trách nhiệm; từng bước hình thành văn hoá làm việc số.

Mục tiêu và những nhiệm vụ trọng tâm

Chương trình tập trung vào 8 nội dung trọng tâm: Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; hoàn thiện thể chế; cải cách tổ chức bộ máy; đổi mới quản lý, đánh giá cán bộ, công chức và nâng cao năng lực số; cải cách thủ tục hành chính trong Đảng; xây dựng nền hành chính số; đổi mới quản lý tài chính, tài sản của Đảng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

Theo đó, nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thực hiện theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, sát thực tiễn; chuyển từ điều hành chủ yếu dựa trên văn bản, báo cáo giấy sang điều hành có sự hỗ trợ của dữ liệu tin cậy, kịp thời. Cụ thể:

Hằng năm: Tinh giản tối thiểu 10% số lượng hội nghị, 15% số lượng văn bản hành chính so với năm trước; hội nghị trực tiếp không quá 40%, trực tuyến không ít hơn 60%; cấp tỉnh tổ chức không quá 2 hội nghị quy mô toàn tỉnh, cấp xã không quá 3 hội nghị quy mô toàn xã (các trường hợp ngoại lệ thực hiện theo Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư); thành phần, số lượng đại biểu, thời gian tổ chức, phát biểu khai mạc, kết luận hội nghị thực hiện theo Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

Đến hết năm 2027:

Tối thiểu 90% nhiệm vụ trong các chương trình, kế hoạch công tác hoàn thành đúng hạn.

Tối thiểu 90% biểu mẫu báo cáo được rà soát, điện tử hoá.

Tối thiểu 90% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đo lường và đánh giá gắn với bộ chỉ số đánh giá kết quả (KPI/OKR...); điều tra độc lập mức độ hài lòng của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và qua các kênh nắm dư luận xã hội.

Đến hết năm 2028:

Tối thiểu 95% nhiệm vụ trong các chương trình, kế hoạch công tác hoàn thành đúng hạn.

Tối thiểu 95% biểu mẫu báo cáo được rà soát, điện tử hoá.

Tối thiểu 95% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đo lường và đánh giá gắn với bộ chỉ số đánh giá kết quả (KPI/OKR...).

Đến năm 2030: Vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; giảm tối đa việc sử dụng giấy tờ.

Về hoàn thiện thể chế, tổng rà soát văn bản của Đảng; sửa đổi, bổ sung, hợp nhất và chuẩn hoá thể chế, quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn của Đảng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, yêu cầu

chuyển đổi số và phương thức làm việc trên môi trường số. Đến hết năm 2027, phấn đấu xử lý dứt điểm 80% văn bản hết hiệu lực, hết thời hạn, trùng lặp, chồng chéo hoặc không còn phù hợp; đồng thời, định danh thống nhất, số hóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu dùng chung 80% văn bản còn hiệu lực. Các chỉ tiêu này đạt 100% đến hết năm 2028.

Đối với cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, Chương trình hướng tới tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình; cắt giảm thành phần hồ sơ, bước trung gian không cần thiết và chi phí tuân thủ. Năm 2026 vận hành ổn định 4 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; xác định các thủ tục đủ điều kiện để tiếp tục triển khai; đến hết năm 2027, 100% thủ tục hành chính của Đảng đủ điều kiện thực hiện toàn trình được cung cấp trên môi trường điện tử, mức độ hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên đối với việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đạt tối thiểu 90%. Đến hết năm 2029, phấn đấu giảm tối thiểu 30% thời gian xử lý bình quân và chi phí tuân thủ đối với các quy trình nghiệp vụ cốt lõi, thủ tục hành chính...

Về xây dựng nền hành chính số, Chương trình nhấn mạnh việc phát triển môi trường làm việc số thống nhất, liên thông, an toàn; lấy dữ liệu làm nền tảng quản trị, nền tảng số dùng chung làm phương thức vận hành và trí tuệ nhân tạo làm công cụ hỗ trợ. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, phù hợp với mức độ mật; đồng thời, khắc phục tình trạng cát cứ dữ liệu, đầu tư manh mún, trùng lặp. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải có kiểm soát, xác định rõ mục đích, trách nhiệm, nguồn dữ liệu, mức độ rủi ro và cơ chế giám sát của con người.

Chương trình cũng chú trọng đổi mới công tác quản lý, đánh giá cán bộ theo vị trí việc làm, năng lực và sản phẩm đầu ra; nâng cao năng lực số, năng lực dữ liệu; số hóa quản lý tài chính, tài sản; tăng cường kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu, chủ động phòng ngừa, cảnh báo vi phạm và nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu.

Năm giải pháp

Chương trình nêu cụ thể 5 giải pháp trọng tâm, trong đó có tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chủ trì; phân công phối hợp rõ thẩm quyền, trách nhiệm, bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đề ra; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan đảng; bố trí đủ cán bộ có năng lực làm công tác cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với chính sách đãi ngộ; đẩy mạnh tuyên truyền để cán bộ, công chức và xã hội nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành chủ trương cải cách hành chính của Đảng, chủ động đấu tranh với thông tin xấu, độc, xuyên tạc về cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy trên không gian mạng…

Ban Bí thư cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả Chương trình cải cách hành chính trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT BÃI BỎ MỘT SỐ THỦ TỤC CẤP PHÉP TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

Sáng ngày 26/10/2026, theo chương trình Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XVI, Đại tướng Lương Tam Quang, Bộ trưởng Bộ Công an, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trình bày Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thượng tướng Lê Tấn Tới, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội trình bày Báo cáo thẩm tra về dự án Luật.

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Trình bày Tờ trình của Chính phủ, Đại tướng Lương Tam Quang, Bộ trưởng Công an cho biết, việc ban hành luật nhằm tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ về đẩy mạnh phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Về cơ sở thực tiễn, Chính phủ cho rằng cần tiếp tục phân quyền, đơn giản hóa một số thủ tục về thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ, kinh doanh tiền chất thuốc nổ, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

Đối với Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, việc thực hiện đồng thời thủ tục thẩm định thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy còn làm phát sinh thời gian, chi phí tuân thủ đối với người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, thủ tục cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy về bản chất là kiểm soát chất lượng sản phẩm, cũng cần được điều chỉnh thống nhất với việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chính phủ xác định mục đích ban hành luật nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, bình đẳng, thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Dự thảo Luật gồm 3 điều, không sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng mà chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh quy định tại hai luật hiện hành.

Cụ thể, dự thảo sửa đổi, bổ sung 14 điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Trong đó, dự thảo phân cấp thẩm quyền thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ trong phạm vi quản lý của Bộ Công an cho cơ quan có thẩm quyền do

Bộ trưởng Công an quy định. Theo đó, nội dung này sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Công an; trong đó, phân cấp cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thực hiện toàn diện nội dung này.

Dự thảo cũng bãi bỏ thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ; bãi bỏ nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 và quy định về văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy tại điểm d khoản 1 Điều 39 để phù hợp với dự thảo Luật.

Đồng thời, bỏ thực hiện quy định về điều kiện chỉ được kinh doanh công cụ hỗ trợ theo giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ cấp cho tổ chức, doanh nghiệp; đơn giản hóa thành phần hồ sơ thủ tục trang bị vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ.

Dự thảo cũng quy định cụ thể, rõ ràng hơn về hồ sơ thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; cắt giảm thời gian cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ và giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ.

Đối với Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, dự thảo sửa đổi, bổ sung 12 điều.

Trong đó, bãi bỏ thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy và thực hiện công tác hậu kiểm kết hợp với kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông.

Dự thảo cũng bãi bỏ thủ tục cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; chuyển sang quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Ngoài ra, dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điểm về mặt kỹ thuật để bảo đảm tính thống nhất với các luật có liên quan.

Theo Chính phủ, việc thi hành Luật được thực hiện trên cơ sở nguồn lực, điều kiện hiện có, không làm phát sinh nhân lực hoặc tổ chức bộ máy mới. Kinh phí triển khai xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, tuyên truyền, phổ biến Luật sau khi được Quốc hội thông qua được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ NGỪNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHƯNG CHƯA ĐÓNG MÃ SỐ THUẾ

Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện pháp luật về quản lý thuế, đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu.

Dự thảo Nghị quyết đề xuất quy định chính sách đặc thù đối với người nộp thuế ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế và người nộp

thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Đối tượng áp dụng được đề xuất là:

a- Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) và người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế (trạng thái 06).

b- Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chính sách đặc thù về hồ sơ khai thuế

Người nộp thuế quy định tại điểm a nêu trên không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo thông báo của cơ quan thuế. (1)

Người nộp thuế quy định tại điểm a nêu trên chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong thời gian người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương, trừ hồ sơ quyết toán thuế đến thời điểm thu hồi.

Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a nêu trên phải nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu đối với kỳ tính thuế trước thời điểm quy định trên và hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thuế sau thời điểm quy định tại (1) nêu trên.

Người nộp thuế quy định tại điểm a nêu trên không phải lập, gửi thông báo, báo cáo về hóa đơn cho đến thời điểm Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành khi quay lại làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Người nộp thuế cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian quy định tại (1). Nội dung cam kết phải xác định cụ thể thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, các kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế và được thể hiện trong hồ sơ khôi phục mã số thuế hoặc hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Chính sách đặc thù về mức phạt tiền vi phạm hành chính

Theo dự thảo, người nộp thuế quy định tại điểm a nêu trên đã nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu thì được áp dụng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế như sau:

Áp dụng mức phạt tiền bằng 30% mức phạt tiền theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) đối với người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2027. (2)

Mức phạt này sẽ tăng lên 50% mức phạt tiền theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) đối với người nộp thuế nộp hồ sơ từ ngày 01/7/2027 đến hết ngày 31/12/2027 và bằng 70% đối với giai đoạn từ ngày 01/01/2028 đến hết ngày 30/6/2028.

Dự thảo nêu rõ, không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thuộc trường hợp quy định tại điểm a nêu trên đã nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu thì áp dụng mức phạt tiền bằng 50% mức phạt tiền quy định tại (2) kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30/6/2028.

Dự thảo nêu rõ, quy định này không áp dụng đối với hành vi có dấu hiệu trốn thuế hoặc trường hợp người nộp thuế đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử về hành vi trốn thuế, gian lận thuế hoặc sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ ĐỀ NGHỊ TUYÊN QUANG NÂNG CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ngày 30/10/2026, làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về công tác cải cách hành chính, ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ, ghi nhận những nỗ lực của tỉnh trong sắp xếp bộ máy, cải cách thủ tục và phát triển hạ tầng số.

Theo ông Phạm Minh Hùng, việc hợp nhất 2 tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn rộng, nhiều khu vực miền núi, biên giới đặt ra yêu cầu cụ thể về năng lực thực thi ở cơ sở và khả năng tiếp cận dịch vụ công.

“Cải cách hành chính không chỉ được đánh giá bằng số nhiệm vụ hoàn thành hay số văn bản ban hành, mà phải thể hiện ở chất lượng thực thi công vụ, thời gian và chi phí giải quyết công việc, cũng như sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp”, ông Phạm Minh Hùng nói.

Làm rõ trách nhiệm với hồ sơ chậm giải quyết

Theo số liệu được dẫn tại buổi làm việc, năm 2026, Tuyên Quang đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 302 thủ tục hành chính. Trong đó, 191 thủ tục được cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ; 111 thủ tục được cắt giảm 50% thời gian giải quyết.

Tỉnh thí điểm cơ chế “luồng xanh 24 giờ”, “luồng xanh 50%” đối với các dự án trọng điểm. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn ở cấp tỉnh đạt 98,92%, cấp xã đạt 99,46%.

Tuy nhiên, đoàn kiểm tra nhận định vẫn còn hồ sơ quá hạn; việc kết nối dữ liệu, cấu hình quy trình điện tử và khai thác dữ liệu thay thế giấy tờ chưa hoàn toàn thông suốt.

Ông Phạm Minh Hùng đề nghị kiểm soát hồ sơ quá hạn theo từng cơ quan, lĩnh vực, công đoạn, công khai trách nhiệm khắc phục; thực hiện các phương án đơn giản hóa để người dân, doanh nghiệp thực sự giảm giấy tờ, thời gian và chi phí.

Tiếp thu ý kiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Đỗ Anh Tuấn giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì rà soát tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục, phân tích nguyên nhân hồ sơ quá hạn và tăng cường kiểm soát tiến độ, trách nhiệm xin lỗi theo quy định.

Với thủ tục đất đai, đầu tư, xây dựng và các lĩnh vực nhiều hồ sơ, ông yêu cầu xác định rõ khâu ách tắc, trách nhiệm và thời hạn xử lý.

"Không để người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần do nguyên nhân chủ quan của cơ quan hành chính", ông Đỗ Anh Tuấn nhấn mạnh.

Phân cấp phải gắn với điều kiện thực hiện

Đoàn kiểm tra ghi nhận tỉnh đã phân cấp, ủy quyền 418 nhiệm vụ cho cấp xã. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy sau sắp xếp tiếp tục đặt ra yêu cầu lớn về nhân lực, nhất là trong giáo dục, y tế và chính quyền cấp xã.

Ông Phạm Minh Hùng đề nghị rà soát vị trí việc làm, bố trí đội ngũ phù hợp với khối lượng công việc; tăng cường kiểm tra công vụ, làm rõ trách nhiệm với trường hợp chậm trễ, né tránh, đùn đẩy công việc. Việc phân cấp cần gắn với nhân lực, kinh phí, dữ liệu và điều kiện thực thi, đồng thời phân định rõ thẩm quyền để tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

Phó Chủ tịch Đỗ Anh Tuấn giao Sở Nội vụ đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ đã phân cấp, ủy quyền, làm rõ khó khăn về thẩm quyền và nguồn lực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường được yêu cầu thường xuyên kiểm tra tình hình giải quyết hồ sơ, chấn chỉnh việc né tránh trách nhiệm hoặc hướng dẫn không đầy đủ.

Khắc phục lỗi kết nối, nâng hiệu quả sử dụng dữ liệu

Về chuyển đổi số, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã kết nối với 24 cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và hệ thống thông tin của bộ, ngành Trung ương. Dù vậy, khả năng chia sẻ giữa một số hệ thống chưa đồng bộ; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ cấp xã và người dân còn hạn chế.

Ông Phạm Minh Hùng đề nghị chuyển trọng tâm sang quản trị, nâng hiệu quả sử dụng dữ liệu; xác định rõ dữ liệu gốc, đơn vị quản trị và trách nhiệm cập nhật. "Đẩy mạnh số hóa, tái sử dụng dữ liệu, không yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có thể khai thác", ông Phạm Minh Hùng yêu cầu.

Phó Chủ tịch Đỗ Anh Tuấn giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp rà soát các hệ thống còn lỗi kết nối, chưa đồng bộ trạng thái hồ sơ để xử lý; yêu cầu cấp xã phát huy tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân. Sở Nội vụ được giao tham mưu kế hoạch khắc phục sau kiểm tra, xác định rõ công việc, thời hạn và kết quả đầu ra. Theo lãnh đạo tỉnh, kết quả thực hiện sẽ gắn với đánh giá trách nhiệm người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị.

Nguồn: dantri.vn

THUẾ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP: CHẤN CHỈNH SAI SÓT, XỬ LÝ DỨT ĐIỂM PHẢN ÁNH CỦA NGƯỜI DÂN

Chuẩn hóa dữ liệu, khắc phục sai sót về thuế

Thời gian qua, Cục Thuế đã chỉ đạo các cơ quan thuế địa phương rà soát, chuẩn hóa dữ liệu trên các hệ thống quản lý thuế. Đến nay, toàn ngành đã hoàn thành rà soát 95,57% trong tổng số 3.372.799 tờ khai thuộc diện kiểm tra.

Cùng với đó, ngành Thuế đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm giấy tờ cho người dân. Theo các quy định mới được hướng dẫn, người nộp thuế không phải cung cấp lại thông tin, hồ sơ mà cơ quan nhà nước đã có và đủ điều kiện kết nối, khai thác. Trường hợp cơ quan thuế đã có đầy đủ dữ liệu đất đai từ các cơ sở dữ liệu liên quan, người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế.

Tuy nhiên, tại một số địa bàn, thông tin người nộp thuế và thửa đất chưa được cập nhật đầy đủ, khiến thông báo nghĩa vụ thuế chưa chính xác. Việc tiếp nhận, xử lý phản hồi qua phương thức điện tử còn chậm; một số câu trả lời chưa rõ ràng, chưa giải quyết triệt để vướng mắc. Công tác phối hợp, đối soát dữ liệu và phân công trách nhiệm cũng cần được chấn chỉnh.

Để khắc phục tình trạng này, Cục Thuế yêu cầu các địa phương rà soát, cập nhật chính xác thông tin người nộp thuế, thửa đất và kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế; xử lý dữ liệu lịch sử sai lệch, trùng lặp, bỏ sót đối tượng và kịp thời điều chỉnh khi có đủ căn cứ.

Đối với dữ liệu cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cơ quan thuế phải rà soát danh mục loại đất, loại đường, khu vực, giá đất, địa chỉ thửa đất và mã cơ quan quản lý. Khi thay đổi cơ quan thuế quản lý, phải chuyển đầy đủ thông tin tờ khai, nợ thuế, tiền nộp thừa và cập nhật trạng thái chuyển địa bàn.

Các đơn vị đồng thời tăng cường khai thác hệ thống quản lý thuế, phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan quản lý đất đai để đối chiếu thông tin người sử dụng đất, biến động đất đai và kết quả nộp ngân sách. Đặc biệt, 100% trường hợp nộp thừa phải được xác nhận đúng số tiền, cập nhật kết quả rà soát trên hệ thống quản lý thuế theo quy định.

Xử lý phản ánh đến cùng, rõ người, rõ trách nhiệm

Cục Thuế yêu cầu các địa phương rà soát toàn bộ phản hồi, kiến nghị chưa được giải quyết; phân loại theo nội dung, nguyên nhân và thẩm quyền, đồng thời xác định rõ người phụ trách, lãnh đạo kiểm soát và thời hạn xử lý. Không để xảy ra tình trạng bỏ sót, tồn đọng hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

Khi đủ căn cứ, cơ quan thuế phải chủ động xác minh, điều chỉnh dữ liệu và trả lời đúng trọng tâm, nêu rõ căn cứ, kết quả và hướng giải quyết. Với trường hợp cần xác minh thêm hoặc vượt thẩm quyền, phải thông tin rõ cho người nộp thuế, hướng dẫn cụ thể và phối hợp theo dõi đến khi có kết quả.

Công tác kiểm tra việc cập nhật dữ liệu, phát hành thông báo và giải quyết phản hồi cũng phải được tăng cường. Các sai sót cần được xác định nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của công chức và bộ phận liên quan để chấn chỉnh, xử lý theo quy định, trên cơ sở phân biệt nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Bên cạnh đó, các địa phương phải rà soát hoạt động ủy nhiệm thu, làm rõ trách nhiệm giữa cơ quan thuế, đơn vị nhận ủy nhiệm và chính quyền địa phương. Việc đối soát số thu, số đã nộp ngân sách và số liệu hạch toán phải được thực hiện kịp thời, xử lý dứt điểm các trường hợp thu sai đối tượng, chậm nộp, đã nộp nhưng chưa cập nhật hoặc ghi nhận nợ không đúng thực tế.

Cục Thuế yêu cầu các địa phương xây dựng tài liệu tuyên truyền thống nhất về chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, hướng dẫn rõ các trường hợp phải kê khai, nộp thuế. Công tác tuyên truyền cần được triển khai qua báo chí, phát thanh, truyền hình và phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý đất đai để phù hợp với từng nhóm người nộp thuế.

Các địa phương phải thành lập tổ công tác hỗ trợ trực tiếp người dân kê khai, nộp thuế và tháo gỡ vướng mắc. Người đứng đầu cơ quan thuế cấp tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo chung; các cấp quản lý phải phân công cụ thể theo địa bàn, nhiệm vụ và thời hạn hoàn thành.

Cục Thuế nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm người nộp thuế được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời, thuận tiện; phản ánh, kiến nghị phải được tiếp nhận và giải quyết dứt điểm, hạn chế tối đa việc người dân phải đi lại nhiều lần.

Trưởng cơ quan thuế các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện. Những vướng mắc vượt thẩm quyền phải được tổng hợp, đề xuất phương án xử lý và gửi Cục Thuế để được hướng dẫn kịp thời.

Nguồn: baochinhphu.vn

HẢI QUAN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC, GIẢM CHI PHÍ CHO DOANH NGHIỆP

Theo Ban Giám sát quản lý về hải quan (Cục Hải quan), lĩnh vực hải quan hiện còn 2 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, gồm kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ và kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.

Tổng số thủ tục hành chính giảm còn 137 thủ tục, trong đó tính cả 6 thủ tục được xác định bãi bỏ từ ngày 01/7/2026. Về điều kiện kinh doanh, có 16/29 điều kiện được cắt giảm, đạt 100% kế hoạch tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

Đằng sau việc cắt giảm này là những thay đổi trực tiếp trong quá trình doanh nghiệp thực hiện thủ tục: giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp, hạn chế yêu cầu xác nhận của cơ quan nhà nước và tăng khả năng xử lý trên môi trường điện tử.

Theo Cục Hải quan, những điều chỉnh đó góp phần giảm chi phí đi lại, in ấn, sao y, lưu trữ hồ sơ, rút ngắn thời gian chuẩn bị thủ tục và đưa hàng hóa vào lưu thông.

Tác động của cải cách được thể hiện rõ hơn qua những quy định cụ thể, từ đơn giản hóa thủ tục kinh doanh hàng miễn thuế đến mở rộng địa điểm làm thủ tục đối với hàng nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất xuất khẩu. Đây cũng là những khâu có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức hoạt động và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.

Đơn giản hóa thủ tục kinh doanh hàng miễn thuế

Trong lĩnh vực kinh doanh hàng miễn thuế, Nghị định số 273/2026/NĐ-CP và Thông tư số 82/2026/TT-BTC đưa ra nhiều điều chỉnh theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm giấy tờ và tăng cường xử lý trên môi trường điện tử.

Cụ thể, Nghị định số 273/2026/NĐ-CP bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế cũng được đơn giản hóa khi bỏ yêu cầu xuất trình đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên.

Đáng chú ý, thông tin cá nhân của người mua có thể được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không bắt buộc người mua xuất trình bản giấy. Các thủ tục kiểm tra, giám sát việc vận chuyển hàng miễn thuế được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Việc cắt giảm giấy tờ, tăng khai thác dữ liệu điện tử giúp đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục, hạn chế những khâu hành chính không cần thiết trong hoạt động kinh doanh, từ đó giảm thời gian thực hiện thủ tục, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao tính chủ động của doanh nghiệp.

Những thay đổi này thể hiện định hướng cải cách quản lý hàng miễn thuế theo hướng giảm các thủ tục, điều kiện không cần thiết, đồng thời tăng cường quản lý, kiểm tra trên nền tảng dữ liệu điện tử. Qua đó, hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế từng bước được tổ chức theo hướng thuận lợi và minh bạch hơn.

Doanh nghiệp được trao quyền chủ động cao hơn trong đầu tư kinh doanh hàng miễn thuế

Đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp được trao quyền chủ động cao hơn trong việc đầu tư, bố trí địa điểm, mở rộng mặt bằng và triển khai hoạt động kinh doanh trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện do pháp luật quy định.

Cụ thể, Thông tư số 82/2026/TT-BTC triển khai quy định theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, theo hướng không thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế; tạm dừng, thu hồi giấy chứng nhận; mở rộng, thu hẹp, di chuyển hoặc chuyển quyền sở hữu cửa hàng theo các điều khoản tương ứng tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP.

Theo đó, doanh nghiệp thông báo với cơ quan Hải quan. Nếu trong 10 ngày làm việc, cơ quan Hải quan không có ý kiến hoặc lập biên bản ghi nhận địa điểm đáp ứng tiêu chuẩn, doanh nghiệp được tự công bố địa điểm đủ tiêu chuẩn để đi vào hoạt động. Các thủ tục thông báo,

công bố được thực hiện trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử hải quan, tại mục Dịch vụ công trực tuyến.

Như vậy, theo quy định mới, thay vì phải trải qua quá trình chuẩn bị hồ sơ và chờ cơ quan quản lý xem xét, xác nhận đối với nhiều nội dung như trước đây, doanh nghiệp có thể căn cứ trực tiếp vào các tiêu chuẩn đã được công bố để triển khai. Đi liền với quyền chủ động là trách nhiệm tự cam kết, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện cũng như toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Trước đây, khi có nhu cầu mở rộng mặt bằng, tăng quy mô kinh doanh hoặc bổ sung vốn đầu tư tại các địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp có thể phải dành nhiều thời gian để chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan. Quá trình xử lý trong một số trường hợp kéo dài nhiều tháng, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư và thời điểm đưa các hạng mục mới vào hoạt động.

Với quy định mới, thời gian xử lý một số thủ tục được rút ngắn từ vài tháng xuống còn vài ngày, giúp doanh nghiệp giảm thời gian, chi phí và nguồn lực dành cho việc chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ. Doanh nghiệp được chủ động triển khai hoạt động trên cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đã được quy định, đồng thời tự cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Việc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm cũng làm thay đổi cách thức thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp và phương thức quản lý của cơ quan Hải quan. Theo đó, doanh nghiệp chủ động tổ chức hoạt động kinh doanh; cơ quan quản lý thực hiện kiểm tra, giám sát theo phương thức phù hợp, trên cơ sở tuân thủ và dữ liệu được doanh nghiệp kết nối, chia sẻ.

Gỡ vướng cho nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ gia công, sản xuất xuất khẩu

Không chỉ với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, cải cách còn hướng đến tháo gỡ vướng mắc trong quá trình nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ gia công, sản xuất xuất khẩu.

Theo Thông tư số 121/2025/TT-BTC, doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp chế xuất được làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan Hải quan nơi đặt trụ sở chính, cơ sở sản xuất, chi nhánh hoặc tại cửa khẩu nhập.

Đối với doanh nghiệp chế xuất, hàng hóa nhập khẩu; máy móc, thiết bị tạm nhập phục vụ sản xuất, xây dựng nhà xưởng, kể cả trường hợp nhà thầu trực tiếp nhập khẩu; hàng hóa bảo hành, sửa chữa được làm thủ tục tại cơ quan Hải quan quản lý địa bàn nơi có cơ sở sản xuất. Trường hợp có nhiều chi nhánh, doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn cơ quan Hải quan nơi đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh để làm thủ tục.

So với quy định trước đây tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC, quy định mới mở rộng lựa chọn địa điểm làm thủ tục cho doanh nghiệp. Thay vì gắn việc nhập khẩu nguyên liệu với một địa điểm nơi thông báo cơ sở sản xuất và thực hiện báo cáo quyết toán, doanh nghiệp có thể lựa chọn địa điểm phù hợp hơn trong phạm vi quy định, đặc biệt khi có cơ sở sản xuất tại nhiều địa bàn.

Sự điều chỉnh này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong tổ chức nhập khẩu nguyên liệu và bố trí hoạt động sản xuất. Việc lựa chọn địa điểm làm thủ tục phù hợp có thể giúp giảm khâu điều phối hồ sơ, hạn chế những công việc phát sinh và chủ động hơn trong kế hoạch tiếp nhận nguyên liệu.

Có thể nói, từ cắt giảm thủ tục kinh doanh hàng miễn thuế đến mở rộng địa điểm làm thủ tục đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu, các điều chỉnh đang tập trung vào những khâu trực tiếp liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Hiệu quả cải cách vì vậy không chỉ thể hiện ở số lượng thủ tục được cắt giảm, mà còn ở mức độ thuận tiện khi thực hiện và khả năng giảm chi phí tuân thủ trong thực tế.

Nguồn: mof.gov.vn

CHÍNH THỨC TRIỂN KHAI TOÀN QUỐC 12 DỊCH VỤ CÔNG NGÀNH ĐIỆN TRÊN VNEID

Thời gian qua, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã phối hợp chặt chẽ với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an) khẩn trương triển khai nhiều công việc liên quan với mục tiêu cung cấp các dịch vụ điện trên ứng dụng VNeID, góp phần đa dạng hóa các kênh tiếp cận dịch vụ, đơn giản hóa thủ tục và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình sử dụng dịch vụ điện.

Đến nay, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đã phối hợp với các đơn vị liên quan của EVN hoàn thành kỹ thuật và sẵn sàng cung cấp 12 dịch vụ công ngành điện trên ứng dụng VNeID.

Theo thông tin vừa được EVN phát đi, các dịch công này gồm: (1) Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp; (2) Cấp điện mới từ lưới điện trung áp; (3) Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện; (4) Thay đổi mục đích sử dụng điện; (5) Thay đổi định mức sử dụng điện; (6) Gia hạn hợp đồng mua bán điện; (7) Chấm dứt hợp đồng mua bán điện; (8) Thay đổi vị trí thiết bị đo đếm; (9) Thay đổi công suất sử dụng điện; (10) Thay đổi thông tin đã đăng ký trên hợp đồng mua bán điện; (11) Ngừng cấp điện theo yêu cầu; (12) Cấp điện trở lại theo yêu cầu.

Với phương châm "Lấy khách hàng làm trọng tâm, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng đơn giản, thuận tiện và hiện đại", EVN và các Tổng công ty Điện lực/Công ty Điện lực cam kết không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận, thực hiện các dịch vụ điện mọi lúc, mọi nơi thông qua những nền tảng số phổ biến, thuận tiện và an toàn.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT BỎ THỦ TỤC KIỂM TRA NGHIỆM THU PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CHUYỂN SANG HẬU KIỂM

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đề xuất bãi bỏ thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và thực hiện công tác hậu kiểm kết hợp với kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông.

Trong đó, nội dung đáng chú ý dự thảo Luật đề xuất bãi bỏ thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và thực hiện công tác hậu kiểm kết hợp với kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông.

Theo Bộ Công an - Cơ quan chủ trì soạn thảo, hiện nay, thực hiện Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP thì thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đã được bãi bỏ nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Bản chất của thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là xem xét, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật và việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong xây dựng công trình, thiết kế phương tiện giao thông, bảo đảm phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định trước khi đưa công trình, phương tiện giao thông vào khai thác, sử dụng.

Theo đó, thủ tục kiểm tra nghiệm thu có thể cắt giảm vì gây tốn kém, phát sinh chi phí, thời gian, nguồn nhân lực và phải bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện trong khi nếu chỉ thực hiện một thủ tục là thẩm định thiết kế thì vẫn đạt được mục đích như nêu trên. Đồng thời, tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định về cơ chế hậu kiểm đối với chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình trong việc chấp hành quy định của pháp luật về nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy trước đó.

Đề xuất bỏ cấp phép trước khi lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy

Theo cơ quan soạn thảo, bản chất của thủ tục cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy là kiểm tra, kiểm soát về chất lượng sản phẩm trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường. Ngoài ra, trên thực tế đối với vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy có tính chất, đặc điểm, cấu tạo khác nhau được sản xuất, nhập khẩu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật rất đa dạng và được sử dụng vào mục đích của nhiều lĩnh vực khác nhau, nếu giữ nguyên và quy định chung trong Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiện hành sẽ không phù hợp, không tương ứng với từng lĩnh vực có liên quan như cơ khí chế tạo, giao thông vận tải, năng lượng, công nghiệp, xây dựng…

Do đó, cần thiết phải quản lý vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy như một loại sản phẩm, hàng hóa và theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Theo đó, để tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tạo thuận lợi hơn nữa

cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật thì cần thiết rà soát, cắt bỏ quy định về cấp giấy phép và thực hiện việc quản lý theo hướng hậu kiểm.

Việc bãi bỏ thủ tục cấp phép không làm giảm yêu cầu về chất lượng đối với sản phẩm và trách nhiệm quản lý nhà nước. Theo đó, tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng sản phẩm và việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa; cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác hậu kiểm đối với sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Để bảo đảm phục vụ công tác quản lý, truy xuất và hậu kiểm đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, qua rà soát cho thấy dự thảo Luật đã quy định việc kê khai thông tin khi nhập khẩu và trước khi lưu thông trên thị trường và quy định thực hiện quản lý, hậu kiểm theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là phù hợp với thực tiễn.

Đề xuất bãi bỏ thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ

Đối với đề xuất này, cơ quan soạn thảo lý giải, hiện nay, việc kinh doanh công cụ hỗ trợ, theo quy định hiện hành thì tổ chức, doanh nghiệp phải được cấp đồng thời giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ; cả hai loại giấy tờ này đều do Bộ Công an cấp. Trên thực tế, hai thủ tục này có nội dung quản lý tương đồng, dẫn đến phát sinh thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ không cần thiết đối với doanh nghiệp. Vì vậy, để tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự thì dự thảo Luật bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ, chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là cần thiết.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc được đóng dấu bưu chính trước ngày 01/7/2026 thì dừng giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu nên khi Luật này có hiệu lực không phát sinh hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ. Vì vậy, dự thảo Luật không quy định nội dung chuyển tiếp là phù hợp.

Ngoài ra, dự thảo Luật đề xuất cắt giảm thời gian cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ và giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ. Theo cơ quan soạn thảo, quy định rút ngắn thời hạn cấp giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ và giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc đã được quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và đang có hiệu lực thi hành. Theo đó, quy định của dự thảo Luật là phù hợp, bảo đảm tính khả thi và sẽ tạo thuận lợi tối đa cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh và không làm thay đổi yêu cầu kiểm soát về an toàn, an ninh đối với vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ của cơ quan quản lý nhà nước.

Đề xuất phân cấp thẩm quyền thu hồi vũ khí, vật liệu nổ về công an cấp tỉnh

Theo cơ quan soạn thảo, việc phân cấp thẩm quyền thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ từ cấp Bộ về Công an cấp tỉnh là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm rõ thẩm quyền, trách nhiệm và phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của địa phương.

Dự thảo Luật hiện nay không quy định cụ thể tên cơ quan, đơn vị thực hiện là phù hợp nhằm bảo đảm tính ổn định, lâu dài của Luật và việc giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể cơ quan, đơn vị thuộc công an cấp tỉnh, trực tiếp là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thực hiện sẽ bảo đảm linh hoạt khi có thay đổi về tổ chức bộ máy mà không phải sửa Luật. Đồng thời, việc phân quyền cũng giúp rút ngắn đầu mối, tạo thuận lợi trong tiếp nhận, thu hồi, quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và tăng tính chủ động của địa phương.

Nguồn: baochinhphu.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI BAN HÀNH QUY CHẾ CHUYỂN NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ VỚI DOANH NGHIỆP

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống chuyển nhận văn bản điện tử dùng chung giữa tổ chức, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, hướng tới đơn giản hóa việc trao đổi văn bản, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

Quy chế gồm 4 chương, 27 điều, quy định nguyên tắc, phương thức, quy trình nghiệp vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, vận hành, khai thác hệ thống. Các nội dung chính gồm khởi tạo, đăng ký, xác thực tài khoản pháp nhân trên môi trường điện tử; phân quyền, quản trị người dùng; tiếp nhận, xử lý, phát hành và trả lời văn bản điện tử giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp.

Đối tượng áp dụng gồm Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan Trung ương, đơn vị ngành dọc có tham gia kết nối, gửi, nhận văn bản qua hệ thống. Các tổ chức, doanh nghiệp giao dịch hành chính, trao đổi văn bản điện tử với cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội cũng thuộc phạm vi áp dụng khi đã hoàn tất định danh, xác thực bằng chữ ký số. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ xử lý văn bản và người đại diện hoặc cá nhân được ủy quyền của tổ chức, doanh nghiệp thực hiện giao dịch trên hệ thống cũng phải tuân thủ quy chế.

Theo quy định, việc tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử phải tuân thủ pháp luật về văn thư, lưu trữ, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước. Hệ thống chuyển nhận văn bản không được thiết lập để truyền đưa, tiếp nhận, xử lý hoặc phát hành văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Để kích hoạt tài khoản và thực hiện các chức năng gửi, nhận, trả lời văn bản, tổ chức, doanh nghiệp phải hoàn thành quy trình định danh, xác thực bằng chữ ký số hợp lệ. Thành phố ưu tiên tự động khai thác, tái sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của thành phố và các hệ thống đã kết nối, chia sẻ; chỉ yêu cầu bổ sung thông tin chưa có hoặc chưa thể tự động khai thác, xác thực theo quy định.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống quản lý văn bản và điều hành với Hệ thống chuyển nhận văn bản được thực hiện qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP). Văn bản điện tử gửi, nhận phải có mã định danh, trạng thái xử lý, nhật ký giao dịch và khả năng truy vết trong suốt quá trình thực hiện.

Quy chế cũng yêu cầu bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu và dữ liệu trao đổi hợp pháp; nghiêm cấm chia sẻ tài khoản hoặc sử dụng công cụ trái phép can thiệp vào hệ thống. Hệ thống

bắt buộc tích hợp giải pháp phòng ngừa thất thoát dữ liệu, quét tự động mã độc, từ khóa định danh độ mật và bước xác nhận văn bản không chứa bí mật nhà nước trước khi gửi.

Đáng chú ý, mọi thao tác thụ lý, phân công, trình ký và ban hành văn bản phúc đáp của công chức chỉ thực hiện trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hiện tại của thành phố. Hệ thống này tự động chuyển kết quả ký số sang Hệ thống chuyển nhận văn bản để trả cho doanh nghiệp qua Trục LGSP. Quy định nhằm tránh yêu cầu cán bộ, công chức đăng nhập riêng vào Hệ thống chuyển nhận văn bản để duyệt hoặc nhập dữ liệu thủ công lần hai, hạn chế phát sinh khối lượng công việc và nguy cơ chậm trễ hồ sơ.

Hệ thống chuyển nhận văn bản không thay thế hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và các hệ thống thông tin chuyên ngành khác. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chỉ phục vụ trao đổi, thông báo, tra cứu theo quy định, không làm thay đổi quy trình, thẩm quyền, thời hạn và giá trị pháp lý của giao dịch trên các hệ thống chuyên ngành.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH RA MẮT NHIỀU MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN

Ngày 28/10/2026, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức lễ ra mắt 3 mô hình chuyển đổi số mang tính tiên phong, sáng tạo và nhân văn, thiết thực hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam. Các mô hình hướng đến đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, lấy sự thuận tiện và trải nghiệm của người dân làm thước đo hiệu quả phục vụ.

Ba mô hình được công bố vận hành gồm: Kết nối giao thông công cộng TP Hồ Chí Minh lên nền tảng giao thông tập trung trên VNeID; Tạo lập, kết nối kho dữ liệu chứng sinh, báo tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và Tổ phản ứng nhanh nghĩa tình kết nối với tổng đài 1022 thành phố trong hỗ trợ người dân đăng ký khai tử tại nhà.

Mô hình kết nối metro và xe buýt với nền tảng giao thông tập trung trên VNeID, tạo điều kiện để người dân tra cứu, quản lý lộ trình giao thông đa phương tiện; sử dụng thông tin định danh điện tử để tham gia, mua vé xe buýt và metro; đồng thời tích hợp vé điện tử ngay trên VNeID, hướng đến mục tiêu xây dựng hệ thống vé điện tử dùng chung cho các loại hình giao thông công cộng của thành phố.

Việc kết nối góp phần hình thành nền tảng thống nhất cho các dịch vụ vận tải công cộng, khai thác tiện ích định danh điện tử để nâng cao trải nghiệm người dân, hướng đến hệ thống giao thông hiện đại, thuận tiện, an toàn và minh bạch.

Giải pháp giúp công chức tư pháp, hộ tịch thuận lợi trong khai thác, đối soát dữ liệu khi giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế tối đa việc yêu cầu người dân cung cấp bản giấy chính của giấy chứng sinh, giấy báo tử. Qua đó, quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông được tối ưu hóa, góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân.

Sau khi thí điểm, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu từ tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn về kho dữ liệu dùng chung, hướng tới xây dựng hệ thống dữ liệu số ngành y tế đồng bộ, liên thông, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và các nhu cầu dân sinh.

Hiện nay, 168 địa phương trên địa bàn thành phố đã thành lập và đưa vào hoạt động các Tổ phản ứng nhanh nghĩa tình. Qua đó, các tổ đã hỗ trợ cấp giấy chứng tử cho 1.247 trường hợp, góp phần chia sẻ, giảm bớt gánh nặng thủ tục cho người dân trong lúc tang gia.

Phát biểu tại buổi lễ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Trương Minh Huy Vũ chia sẻ góc nhìn từ trải nghiệm của người sử dụng dịch vụ, đồng thời định hướng một số nhiệm vụ cần tiếp tục triển khai để hoàn thiện các mô hình.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng việc kết nối dữ liệu metro và xe buýt lên nền tảng VNeID là bước khởi đầu. Trong thời gian tới, cần tiếp tục mở rộng kết nối với các loại hình vận tải khác, không chỉ các đơn vị giao thông công cộng của nhà nước mà cả khu vực tư nhân, như taxi, dịch vụ vận chuyển, xe du lịch liên tỉnh, liên vùng.

Khi hình thành được hệ sinh thái người dùng rộng lớn trên nền tảng dữ liệu minh bạch, rõ ràng, thành phố sẽ có thêm điều kiện thu hút các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thanh toán, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ số cùng tham gia. Qua đó, hệ sinh thái dịch vụ số ngày càng đa dạng, mang lại nhiều tiện ích thiết thực cho người dân.

Đối với mô hình Tổ phản ứng nhanh nghĩa tình kết nối tổng đài 1022, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lưu ý cần quan tâm cả những trường hợp người dân qua đời tại nhà. Việc tiếp nhận, điều phối thông tin kịp thời sẽ giúp lực lượng chức năng chủ động hỗ trợ gia đình thực hiện thủ tục, chuẩn bị hậu sự và trực tiếp thăm hỏi, chia sẻ với thân nhân khi cần thiết. Đây không chỉ là yêu cầu về hiệu quả xử lý công việc mà còn thể hiện sự đồng hành, trách nhiệm và tính nhân văn của chính quyền đối với người dân.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với việc phát triển các dịch vụ số, lượng dữ liệu được tích hợp và số người dùng tham gia trên nền tảng định danh điện tử, công dân số ngày càng tăng. Thành phố đang từng bước hình thành hành trình công dân số trên nền tảng xã hội số và chính quyền số, trong đó dữ liệu và công nghệ được sử dụng để phục vụ người dân ngày càng hiệu quả hơn.

Nguồn: vietnamplus.vn

LẠNG SƠN: KHẢO SÁT NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng 29/10/2026, Đoàn Giám sát của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân khảo sát chuyên đề về kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026 tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Thời gian qua, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị kỹ thuật triển khai kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, duy trì việc đồng bộ dữ liệu và xử lý lỗi phát sinh. Đồng thời, đơn vị cũng thường xuyên theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính; tăng cường hướng dẫn cán bộ và hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, công tác cải cách thủ tục hành chính được triển khai với nhiều kết quả tích cực. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã tham mưu rà soát, đánh giá 48 thủ tục hành chính, vượt 3 thủ tục so với kế hoạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của 8 sở, góp phần giảm khoảng 15,29% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Cùng đó, 1.197 thủ tục hành chính còn hiệu lực đã được cập nhật, công khai theo quy định.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận 220.105 hồ sơ, trong đó 98,41% là hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt 99,98%. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cấp xã tiếp nhận 224.850 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến 222.798 hồ sơ (chiếm 99,88%) với tỷ lệ giải quyết trước và đúng hạn đạt 96,59%.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC cũng được chú trọng; trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh tiếp nhận và giải quyết kịp thời 307/307 phản ánh, kiến nghị.

Đối với Chỉ số SIPAS, trung tâm tăng cường hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, duy trì các kênh tiếp nhận góp ý và đánh giá mức độ hài lòng. Trong kỳ báo cáo, có 898 lượt người dân, tổ chức đánh giá công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm; trong đó, 896 lượt đánh giá rất hài lòng.

Tại buổi khảo sát, các thành viên đoàn tập trung trao đổi, làm rõ kết quả thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế trong công tác cải cách hành chính; những vướng mắc còn tồn tại trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, nhất là hồ sơ trực tuyến và hồ sơ quá hạn tại cấp xã; việc vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp…

Cũng trong chương trình, đoàn đã khảo sát trực tiếp cơ sở vật chất, khu vực chờ, thiết bị tra cứu, việc niêm yết thủ tục hành chính, phí, lệ phí, mã QR, đường dây nóng và thông tin công chức; quy trình tiếp nhận, hướng dẫn, số hóa, trả kết quả hồ sơ và lấy ý kiến đánh giá của người dân.

Thông qua khảo sát, đoàn có thêm cơ sở đánh giá khách quan kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX và SIPAS; xác định những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để kiến nghị giải pháp khắc phục phù hợp. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, hướng tới nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baolangson.vn

NINH BÌNH CÔNG BỐ 22 QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Ngày 26/10/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cho biết, tỉnh đã phê duyệt 22 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đất đai thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 3860/QĐ-UBND.

Theo quyết định do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đặng Thanh Sơn ký, các quy trình có hiệu lực từ ngày 23/10/2026. Mỗi quy trình xác định cụ thể các bước thực hiện, đơn vị, người chịu trách nhiệm và thời gian xử lý từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến trả kết quả.

Danh mục gồm các thủ tục như cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đính chính Giấy chứng nhận; tách thửa, hợp thửa đất; đăng ký biến động khi chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp.

Trong đó, có hai thủ tục mới được công bố tại Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 14/10/2026.

Về thời gian giải quyết, thủ tục cấp đổi, đính chính Giấy chứng nhận được thực hiện trong 5 ngày làm việc. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất, tách thửa, hợp thửa đất và đăng ký biến động khi chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho có thời hạn 8 ngày làm việc.

Tại các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, thời gian giải quyết một số thủ tục được kéo dài.

Cụ thể, cấp đổi Giấy chứng nhận là 15 ngày làm việc, cấp lại do bị mất, tách thửa, hợp thửa và đăng ký biến động là 18 ngày. Trường hợp cấp đổi do thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa đất sau đo đạc nhưng ranh giới không thay đổi có thời hạn 10 ngày, hoặc 20 ngày tại các địa bàn đặc thù.

Đáng chú ý, trong 22 thủ tục, có 2 thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, gồm cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất và thu hồi Giấy chứng nhận cấp không đúng quy định, đồng thời cấp lại sau thu hồi. 20 thủ tục còn lại được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần.

Quyết định đồng thời bãi bỏ các quy trình nội bộ lĩnh vực đất đai đã được phê duyệt trước đây thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã. Sở Khoa học và Công nghệ được giao chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, góp phần công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

Nguồn: ninhbinh.gov.vn

QUẢNG TRỊ: XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

Xác định công tác cải cách hành chính là khâu trọng tâm, đột phá nhằm tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của Nhân dân, xã Nam Hải Lăng (tỉnh Quảng Trị) đã có nhiều cách làm hay, sáng tạo, từ đó từng bước tạo lập được lòng tin, sự kỳ vọng của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

Ngay từ những ngày đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cấp ủy, chính quyền xã Nam Hải Lăng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác cải cách hành chính. Đồng thời, ban hành kịp thời các văn bản, kế hoạch, quyết định thành lập các ban chỉ đạo, tổ công tác… để triển khai thực hiện bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

Theo đó, địa phương đã triển khai thực hiện kế hoạch về cải cách hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước năm 2026 với 36 nhiệm vụ; ban hành công văn về việc nâng cao chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2026.

Riêng trong quý III/2026, xã đã thực hiện đúng hạn 11/15 nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và 4 nhiệm vụ đang thực hiện. Công tác rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý được triển khai thường xuyên. Qua đó, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, báo cáo và đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

Thực tế cho thấy, xã Nam Hải Lăng đã triển khai tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính với 100% thủ tục thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Đồng thời, đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Chỉ tính riêng từ ngày 9/6/2026 đến ngày 8/9/2026, địa phương đã tiếp nhận 3.304 hồ sơ thủ tục hành chính. Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 3.251 hồ sơ, trong đó giải quyết trước hạn: 3.250 hồ sơ, đạt tỉ lệ 99,96%. Cũng trong quý III/2026, tỉ lệ số hóa hồ sơ đầu vào đạt 100%; tỉ lệ số hóa kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đạt 99,89%; tỉ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 100%.

Việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được xã Nam Hải Lăng đặc biệt chú trọng. Đến nay, hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã triển khai đến 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn; 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản và sử dụng xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, thực hiện ký số văn bản điện tử và gửi, nhận văn bản liên thông qua trục liên thông.

Trong quý III/2026, tổng số văn bản đi của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử là 1.009 văn bản, đạt 99,7%. Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả công việc.

Qua 2 năm thực hiện cải cách hành chính, xã Nam Hải Lăng đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong chỉ đạo, điều hành và thực thi chính sách, pháp luật, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại góp phần xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng sự kỳ vọng của Nhân dân trên địa bàn.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Hải Lăng Nguyễn Dương Thanh Bình cho biết, trên cơ sở những kết quả đạt được, thời gian tới, xã Nam Hải Lăng sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung thực hiện cải cách hành chính; đồng thời quán triệt nghiêm túc tinh thần, thái độ, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính. Xã cũng đẩy mạnh kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng dẫn của cấp trên; tăng cường trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, địa phương sẽ chú trọng công tác cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ngày càng hiệu lực, hiệu quả.

Nguồn: baoquangtri.vn

ĐÀ NẴNG: CHUYỂN TỪ "QUẢN LÝ HỒ SƠ" SANG "QUẢN LÝ, PHỤC VỤ DỰA TRÊN DỮ LIỆU"

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đang đẩy mạnh chuyển đổi sang khai thác và tái sử dụng dữ liệu số trong giải quyết thủ tục hành chính, với mục tiêu "người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần". Đây là bước triển khai cụ thể Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ, hướng đến giảm giấy tờ, giảm thao tác cho người dân, doanh nghiệp và chuyển mạnh sang khai thác, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tái sử dụng dữ liệu trên hệ thống

Thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành các quyết định bãi bỏ 12 thủ tục hành chính đặc thù, góp phần tinh gọn thủ tục, giảm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, trong tháng 9/2026, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành 3 quyết định phê duyệt phương án đối với 2 thủ tục thuộc Sở Xây dựng; 9 thủ tục thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và 1 thủ tục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điểm chung của các phương án là rà soát từng thành phần hồ sơ, xác định thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu và đủ điều kiện khai thác để thay thế giấy tờ, đồng thời tái cấu trúc quy trình giải quyết trên môi trường điện tử.

Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thông tin về thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí và tình trạng xử lý hồ sơ từng bước được công khai trên môi trường điện tử, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát quá trình giải quyết.

Theo đại diện một chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố, triển khai chỉ đạo của thành phố về cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác dữ liệu, hiện đơn vị đang rà soát, cập nhật lại các phần mềm chuyên môn liên quan để thống nhất, đồng bộ cơ sở dữ liệu dùng chung.

Trên cơ sở dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", đơn vị sẽ hoàn toàn giải quyết thủ tục hành chính liên quan trên môi trường mạng mà không yêu cầu người dân nộp lại thành phần hồ sơ đã được số hóa, cập nhật trước đó. Tuy nhiên, hiện nay một số phần mềm chưa cập nhật đồng bộ hoàn thiện sau sáp nhập đơn vị hành chính, nên đơn vị tiếp tục cập nhật, hoàn thiện, đồng bộ.

Điểm cốt lõi là chuyển từ cách làm "người dân cung cấp giấy tờ - cơ quan nhà nước kiểm tra" sang "cơ quan nhà nước chủ động khai thác, kiểm tra và sử dụng dữ liệu" theo quy định, qua đó giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Thông tin từ Sở Nội vụ Đà Nẵng cho biết, trong quý III/2026, thành phố rà soát, thống kê và công bố danh mục 316 thủ tục hành chính nội bộ, trong đó đã phê duyệt phương án đơn giản hóa 155/316 thủ tục hành chính, đạt 49,05%, và đã thực thi xong 99 thủ tục hành chính.

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố đã rà soát, bảo đảm trang thiết bị đầu cuối phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp hoàn thiện, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố; hướng dẫn, tổng hợp kết quả cắt giảm, đơn giản hóa, tái cấu trúc thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, thanh toán trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu...

Hơn 99% người dân hài lòng

Anh N.V.Hai (trú phường Thanh Khê) đến bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Thanh Khê làm hồ sơ khai sinh cho con. Do anh đăng ký kết hôn tại phường nên dữ liệu hồ sơ của vợ chồng anh được cán bộ Một cửa cập nhật, số hóa. Lần này đi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con, những thành phần hồ sơ đã được cập nhật, anh Hai không phải khai lại, mà chỉ bổ sung các thông tin mới nhất để hoàn thiện thủ tục.

Theo Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trần Trung Sơn, thành phố xác định nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp là một trong những yêu cầu trọng tâm trong cải cách thủ tục hành chính và tổ chức hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa.

Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí và tình trạng xử lý hồ sơ từng bước được công khai trên môi trường điện tử, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát quá trình giải quyết. Qua theo dõi, mức độ hài lòng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các quầy đạt trên 99%.

Thành phố từng bước chuyển từ phương thức chủ yếu tiếp nhận và xử lý hồ sơ sang chủ động hướng dẫn, hỗ trợ và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

Ông Sơn cho biết, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục duy trì và thực hiện các giải pháp cải cách hành chính hướng đến phục vụ người dân, tổ chức, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để tối ưu hóa quy trình, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Nguồn: baodanang.vn

GIA LAI: GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHỜ KHAI THÁC, TÁI SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Thay vì yêu cầu người dân, doanh nghiệp kê khai và nộp lại những giấy tờ cơ quan nhà nước đã có, tỉnh Gia Lai đang từng bước khai thác dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, qua đó giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao trách nhiệm phục vụ của cơ quan công quyền.

Tiết kiệm thời gian cho người dân

Một trong những bất cập khi thực hiện thủ tục hành chính là người dân phải kê khai nhiều lần cùng một thông tin, nộp lại giấy tờ dù dữ liệu đã được cơ quan nhà nước thu thập, quản lý. Khi các cơ sở dữ liệu chưa được kết nối hoặc khai thác hiệu quả, người dân vẫn phải thực hiện những công đoạn có thể thay thế bằng việc tra cứu, đối chiếu thông tin trên hệ thống.

Tại phường Bồng Sơn, việc khai thác dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính bước đầu mang lại thuận lợi cho người dân. Anh Trần Quang, người dân địa phương cho biết, việc kê khai, hoàn thiện hồ sơ khi chứng thực giấy tờ hoặc tra cứu thông tin hộ tịch diễn ra nhanh chóng hơn, giảm đáng kể số thao tác so với trước.

Từ thực tế đó, phường Bồng Sơn tiếp tục chuyển trọng tâm cải cách từ số hóa hồ sơ sang khai thác, tái sử dụng dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính. Trong quý III, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường tiếp nhận 1.725 hồ sơ thuộc 16 lĩnh vực, tất cả đều được nộp trực tuyến. Cộng với 76 hồ sơ chuyển từ kỳ trước, tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết là 1.801, trong đó có 810 hồ sơ liên thông lĩnh vực đất đai. Trung tâm đã giải quyết 1.650 hồ sơ đúng hạn và trước hạn, không có hồ sơ trễ hạn; 68 hồ sơ đang được giải quyết, 83 hồ sơ dừng xử lý, được rút hoặc bị từ chối.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bồng Sơn Nguyễn Ái Việt cho biết, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử chỉ thật sự phát huy hiệu quả khi gắn với khai thác và tái sử dụng dữ liệu đã có. Thông tin từ các cơ sở dữ liệu được tích hợp, sử dụng để hỗ trợ người dân trong quá trình kê khai, đồng thời giúp cơ quan chức năng kiểm tra, đối chiếu thông tin, hạn chế yêu cầu nhập lại dữ liệu hoặc cung cấp giấy tờ đã có trong hệ thống.

Giá trị của việc tái sử dụng dữ liệu không chỉ nằm ở số hóa thông tin mà còn ở đổi mới quy trình xử lý hồ sơ. Khi dữ liệu đã được lưu trữ, xác thực hợp lệ, cơ quan tiếp nhận có thể sử dụng để giải quyết thủ tục, giảm yêu cầu kê khai, nộp lại giấy tờ và tiết kiệm thời gian cho người dân, tổ chức.

Hiện nay, các địa phương trong tỉnh đã kết nối, khai thác những cơ sở dữ liệu trọng yếu về dân cư, đất đai, hộ tịch điện tử và đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác còn phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu, mức độ kết nối giữa các hệ thống và quy trình của từng thủ tục. Vì vậy, tỉnh cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu, xác định rõ nguồn thông tin chính thức và trách nhiệm của cơ quan quản lý, bảo đảm dữ liệu được sử dụng đúng mục đích, thẩm quyền.

Tăng cường phối hợp, chia sẻ dữ liệu

Lĩnh vực đất đai là một trọng tâm được Gia Lai lựa chọn để triển khai cải cách dựa trên dữ liệu. Ngày 20/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 3060/QĐ-UBND phê duyệt phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết 45 thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu. Tỉnh đã xây dựng, cấu hình phương án trên hệ thống; trong đó, 13 biểu mẫu điện tử được chuẩn hóa với 873 trường dữ liệu phục vụ giải quyết 40 thủ tục, và 711 trường dữ liệu được thiết kế để tự động điền thông tin, chiếm hơn 81% tổng số trường dữ liệu trong các biểu mẫu này.

Người dân có thể kiểm tra, xác nhận thông tin được hệ thống cung cấp, còn cán bộ chuyên môn đối chiếu dữ liệu trên hệ thống. Tỉnh cũng đã cấu hình 27 thủ tục hành chính để khai thác bản điện tử của giấy chứng nhận đã cấp từ dữ liệu đất đai, thay thế thành phần hồ sơ đầu vào khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

Việc khai thác dữ liệu đối với 70 thủ tục trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đòi hỏi sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và đơn vị vận hành hệ thống. Các đơn vị cần xác định rõ dữ liệu có thể tái sử dụng, thông tin có thể tự động điền hoặc đối chiếu, thành phần hồ sơ được thay thế và trách nhiệm ở từng khâu xử lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Phạm Anh Tuấn yêu cầu các sở, ngành tăng cường phối hợp, chia sẻ dữ liệu, không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu dùng chung; đồng thời cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ để nhà đầu tư theo dõi. Công tác hướng dẫn phải được thực hiện ngay từ đầu, lấy sự hài lòng của doanh nghiệp làm thước đo, bảo đảm cải cách thực chất, tránh hình thức.

Ông Phạm Anh Tuấn cũng yêu cầu thực hiện nghiêm nguyên tắc "5 rõ": Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả. Hồ sơ chậm phải được làm rõ nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục; người đứng đầu chịu trách nhiệm nếu để xảy ra chậm trễ, sai sót hoặc gây phiền hà. Các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gợi ý chi phí ngoài quy định sẽ bị xử lý nghiêm; trường hợp cần thiết sẽ xem xét điều chuyển công tác hoặc kỷ luật theo quy định.

Nguồn: nhandan.vn

KHÁNH HÒA THU HÚT NHÂN TÀI

Tỉnh Khánh Hòa đang tạo sức hút đối với nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua chính sách đãi ngộ về thu nhập, nhà ở, môi trường nghiên cứu và cơ chế sử dụng linh hoạt. Đây là bước đi nhằm đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực tăng trưởng của địa phương. Khánh Hòa đang chuyển từ tư duy thu hút nhân lực theo bằng cấp sang lựa chọn dựa trên nhu cầu, vị trí việc làm, năng lực và sản phẩm cụ thể.

"Trải thảm" bằng chính sách đãi ngộ

Những lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao mà Khánh Hòa hướng đến như công nghệ biển, vi mạch - bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, năng lượng và vật lý hạt nhân đòi hỏi chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu độc lập và năng lực đưa tiến bộ khoa học vào thực tiễn. Vì vậy, thu hút nhân tài là yêu cầu quan trọng.

Thay vì chỉ dựa vào nguồn nhân lực sẵn có, tỉnh đang xây dựng cơ chế đủ sức hấp dẫn để người giỏi gắn bó và phát huy năng lực. Bằng cấp vẫn là tiêu chí cần thiết, nhưng hiệu quả công việc, sản phẩm nghiên cứu và giá trị đóng góp mới là thước đo quan trọng. Theo Giám đốc Sở Nội vụ Khánh Hòa Võ Chí Vương, thu nhập là điều kiện cần nhưng chưa đủ để thu hút chuyên gia công nghệ cao. Quan trọng hơn là tạo môi trường để người tài phát triển sự nghiệp, hiện thực hóa ý tưởng thành những sản phẩm có giá trị cho xã hội.

Tháng 8/2026, Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa thông qua Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ tháng 9/2026, quy định chính sách thu hút, phát triển nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chính sách hướng đến nhiều nhóm đối tượng, từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc đến chuyên gia, nhà quản lý và nhà khoa học đầu ngành trong nước và ngoài nước. Mức hỗ trợ một lần khi được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách gồm: Giáo sư 1,5 tỷ đồng; phó giáo sư 1,2 tỷ đồng; tiến sĩ 1 tỷ đồng; thạc sĩ 300 triệu đồng và người có trình độ đại học 250 triệu đồng.

Ngoài tiền lương và phụ cấp theo quy định, nhân lực chất lượng cao được hỗ trợ thu nhập tăng thêm hằng tháng bằng một lần mức lương hiện hưởng trong 5 năm. Tỉnh cũng ưu tiên bố trí nhà ở công vụ hoặc hỗ trợ chi phí lưu trú tối đa 5 triệu đồng/người/tháng trong thời gian cam kết công tác.

Các cơ quan, đơn vị có thể ký hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng thuê khoán công việc, sản phẩm với nhân lực chất lượng cao, theo ba mức thu nhập từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng/người/tháng. Cơ chế này mở rộng cách thức sử dụng nhân lực, không bó hẹp trong khuôn khổ tuyển dụng truyền thống.

Theo khảo sát của tỉnh, nhu cầu nhân lực lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 khoảng 105 người, gồm 21 tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 64 người tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc và 6 giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia cao cấp. Sau rà soát, Sở Nội vụ xác định nhu cầu thu hút là 79 người, chủ yếu trong các lĩnh vực chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và khoa học, công nghệ mũi nhọn. Tỉnh Khánh Hòa

đang hướng đến mục tiêu thu hút đúng người, đúng lĩnh vực, đáp ứng những khoảng trống nhân lực đã được xác định.

Yêu cầu đặt ra không chỉ là thu hút chuyên gia mà còn xây dựng hệ sinh thái kết nối nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng công nghệ, toàn tỉnh hiện có 22 tổ chức khoa học và công nghệ công lập, 24 tổ chức ngoài công lập, 9 viện, trung tâm thuộc bộ, ngành và 5 trường đại học. Năm 2025, 14 doanh nghiệp khoa học và công nghệ đạt doanh thu hơn 200 tỷ đồng. Đội ngũ tham gia nghiên cứu khoa học ước tính hơn 2.900 người, tương đương khoảng 13 người/vạn dân. Tuy nhiên, hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ còn phụ thuộc vào khả năng liên kết và chuyển hóa tri thức thành sản phẩm, công nghệ phục vụ thực tiễn.

Theo Tiến sĩ Đào Xuân Kỳ, Phó Giám đốc phụ trách Sở Khoa học và Công nghệ, khi các mắt xích trong hệ sinh thái được kết nối, chuyên gia không còn hoạt động đơn lẻ. Kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào doanh nghiệp, tạo sản phẩm mới, nâng cao năng suất và đóng góp cho nền kinh tế.

Thực tế, vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với tăng trưởng của Khánh Hòa đang ngày càng rõ nét. Năm 2025, tỉnh đạt 46,54 điểm Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), xếp thứ 9/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021-2025 ước đạt khoảng 40%, cao hơn giai đoạn trước.

Đầu tư cho tương lai

Để thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng và phát triển nhân lực chất lượng cao thuộc phạm vi quản lý, hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí bằng 5% tổng quỹ tiền lương cơ bản. Tổng kinh phí dự kiến cho giai đoạn 2026-2030 là hơn 173 tỷ đồng. Đây là khoản đầu tư cho năng lực cạnh tranh dài hạn, bởi đội ngũ chuyên gia có khả năng nghiên cứu, làm chủ công nghệ và đào tạo thế hệ kế cận cần thời gian để hình thành.

Theo Tiến sĩ Phan Công Kiên, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hố, thu hút nhân tài không đơn thuần là chính sách tuyển dụng mà cần được xem là chiến lược dài hạn. Để phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, địa phương cần đồng thời bảo đảm hạ tầng, nguồn vốn, môi trường nghiên cứu và nhân lực đủ năng lực tạo ra tri thức mới, tiếp nhận công nghệ tiên tiến, chuyển hóa thành năng lực sản xuất.

Trong thị trường lao động rộng mở, người giỏi có nhiều lựa chọn. Chính sách hỗ trợ hấp dẫn có thể tạo lợi thế ban đầu, nhưng để giữ chân nhân tài, cần hoàn thiện cơ chế sử dụng nhân lực, mở rộng không gian sáng tạo và tạo điều kiện ứng dụng các công trình nghiên cứu vào thực tiễn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Việt Hùng nhấn mạnh, thu hút nhân lực chất lượng cao là tạo thêm những "mạch nguồn" tri thức cho nền kinh tế. Thu hút người tài mới là bước đầu; tạo điều kiện để họ phát huy năng lực, làm ra giá trị mới, mới là đích đến.

Nguồn: nhandan.vn

AN GIANG VÀO NHÓM 5 TỈNH DẪN ĐẦU VỀ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Với 99,63% số thửa đất được đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia, tỉnh An Giang thuộc nhóm 5 tỉnh có tỉ lệ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cao nhất cả nước theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại kỳ báo cáo tháng 9/2026.

Hơn 99,6% thửa đất được đồng bộ dữ liệu, 99,8% hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn

Theo ông Phạm Ngọc Long, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang cho biết, đến ngày 26/10/2026, toàn tỉnh đã đồng bộ 2.340.672 trong tổng số 2.349.450 thửa đất lên cơ sở dữ liệu quốc gia, đạt 99,63%. Còn 8.778 thửa đang được rà soát, hoàn thiện và đồng bộ.

Đáng chú ý, nhóm dữ liệu đáp ứng tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống" có 1.586.287 thửa, chiếm 67,52%, tăng 964.391 thửa so với thời điểm bắt đầu triển khai Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an. Nhóm còn cần tiếp tục hoàn thiện có 763.163 thửa, chiếm 32,48%.

Tại kỳ báo cáo tháng 9/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá An Giang thuộc nhóm 5 tỉnh có tỉ lệ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cao nhất cả nước, xét theo số lượng thửa đất chưa được xây dựng cơ sở dữ liệu còn lại thấp. Đây là kết quả đáng chú ý trong bối cảnh tỉnh phải rà soát khối lượng hồ sơ lớn, hình thành qua nhiều thời kỳ.

Tuy nhiên, đồng bộ dữ liệu không đồng nghĩa mọi thửa đất đã đạt đầy đủ tiêu chí chất lượng. Hồ sơ lưu trữ còn thiếu, thất lạc hoặc phân tán; bản đồ địa chính khác biệt về hệ tọa độ, số tờ, số thửa... nên việc hoàn thiện chất lượng dữ liệu vì vậy vẫn là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, toàn hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang tiếp nhận 208.541 hồ sơ, tăng 9,15% so với cùng kỳ; tỉ lệ tiếp nhận trực tuyến đạt 62,17%, trong đó một số địa phương trên 90%.

Theo ông Long, đơn vị đã giải quyết 206.694 hồ sơ, đạt 96,7%; trong số hồ sơ đã giải quyết, có 206.277 hồ sơ đúng và trước hạn, chiếm khoảng 99,8%, còn 417 hồ sơ trễ hạn, tương đương 0,2%. Đây là kết quả giải quyết thủ tục hành chính, khác với số liệu hồ sơ trích đo địa chính đang tồn đọng.

Cũng trong 9 tháng, toàn hệ thống tiếp nhận 450 hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính và thực hiện in, phát hành 86.237 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân.

An Giang đã hoàn thiện quy định phân cấp, quy trình giải quyết và cơ chế phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai, các chi nhánh, UBND cấp xã và cơ quan thuế. Việc liên thông thông tin địa chính với cơ quan thuế tạo điều kiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính, phí, lệ phí, hạn chế giấy tờ và số lần đi lại.

Bên cạnh những kết quả cải cách, tình trạng hồ sơ trích đo địa chính quá hạn còn là điểm nghẽn. Đến ngày 30/9/2026, toàn hệ thống đã giải quyết 59.556 hồ sơ trích đo, đạt 81,85%; còn 13.201 hồ sơ đang xử lý, trong đó 3.541 hồ sơ quá hạn, chiếm 26,82% số hồ sơ đang xử lý.

Riêng chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hòn Đất có 1.612 hồ sơ quá hạn, chiếm 89,01% số hồ sơ trích đo chưa xử lý của chi nhánh; chi nhánh Rạch Giá có 1.362 hồ sơ, chiếm 91,16%. Những con số này cho thấy áp lực khắc phục tồn đọng tại hai địa bàn.

Ông Phạm Ngọc Long cho biết, từ tháng 8/2025 đến tháng 7/2026, đơn vị tập trung nhân lực đo đạc, chỉnh lý phục vụ các công trình, dự án liên quan đến APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc, đồng thời triển khai Kế hoạch 2959/KH-BNNMT-BCA và hỗ trợ Phú Quốc. Khối lượng lớn, thời hạn gấp ảnh hưởng việc bố trí người thực hiện trích đo tại các chi nhánh.

Để khắc phục, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 31/KH-VPĐKĐĐ ngày 14/7/2026; lập tổ công tác 4 cán bộ hỗ trợ Hòn Đất và ngày 23/9 cử thêm 4 cán bộ kỹ thuật hỗ trợ Rạch Giá. Các chi nhánh phân loại hồ sơ, đo đạc thực địa, thay phần mềm biên tập và chỉnh lý cũ nhằm rút ngắn thời gian xử lý bản vẽ, phần mềm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức, người lao động. Đơn vị dự kiến tiếp tục lập các tổ công tác xử lý tồn đọng sau khi hoàn thành nhiệm vụ theo Kế hoạch 2959 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an.

Theo Kế hoạch số 355/KH-UBND, An Giang đặt mục tiêu hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trong năm 2026; phấn đấu 100% thủ tục hành chính về đất đai đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình. Quan trọng hơn, thông tin đã có trong dữ liệu đất đai, dữ liệu dân cư phải được tái sử dụng, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp hoặc khai báo lại giấy tờ đã số hóa.

Ngày 12/10/2026 vừa qua, Sở Nông nghiệp và Môi trường An Giang ban hành Kế hoạch số 265/KH-SNNMT, triển khai chiến dịch 45 ngày xây dựng, làm giàu, làm sạch và đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai nhằm xử lý các nhiệm vụ còn chậm tiến độ.

Ông Phạm Ngọc Long nhấn mạnh, đột phá cải cách không chỉ là rút ngắn thời hạn giải quyết trên quy định mà quan trọng hơn là giảm thời gian chờ đợi thực tế, số lần đi lại và những chi phí không cần thiết cho người dân, doanh nghiệp.

Với An Giang, giá trị của hàng triệu thửa đất được số hóa cuối cùng phải được thể hiện bằng sự thuận tiện, minh bạch trong từng hồ sơ được giải quyết.

Nguồn: baochinhphu.vn

TÂY NINH: NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Bộ máy từng bước vận hành thông suốt, cải cách hành chính và chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực là những chuyển biến rõ nét sau khi tỉnh Tây Ninh triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Từ thực tiễn, tỉnh tiếp tục tháo gỡ khó khăn, nhân rộng cách làm hiệu quả, hướng tới nền hành chính hiện đại, phục vụ nhân dân.

Bộ máy ổn định, phục vụ nhân dân thông suốt

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống chính trị tỉnh Tây Ninh cơ bản vận hành ổn định, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Toàn tỉnh hiện có 96 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 82 xã và 14 phường, giảm 184 đơn vị hành chính cấp xã và 24 đơn vị hành chính cấp huyện so với trước sắp xếp.

Cùng với tinh gọn tổ chức, việc phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh, từng bước làm rõ trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã. Các cơ quan, đơn vị duy trì hoạt động liên tục, không để gián đoạn công việc; công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp được bảo đảm. Theo Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh Nguyễn Thị Thanh Nhàn, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản thích ứng với yêu cầu mới. Những khó khăn về khối lượng công việc, năng lực chuyên môn và phối hợp giữa các cơ quan đang được rà soát, điều chỉnh.

Hiệu quả vận hành thể hiện qua hoạt động ổn định của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và 96 trung tâm cấp xã. Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn đạt hơn 99%, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ. Các lĩnh vực tư pháp, hộ tịch, giáo dục, y tế và an sinh xã hội tiếp tục được duy trì, bảo đảm đời sống người dân và giữ vững ổn định xã hội.

Tại xã Tân Trụ, Bí thư Đảng ủy xã Đặng Hoàng Tuấn cho biết, địa phương chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ theo phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả". Đặc biệt, chuyển đổi số được đẩy mạnh nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Xã có 100% hồ sơ công việc được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng; 100% cán bộ lãnh đạo, công chức chuyên môn được cấp và sử dụng chữ ký số chuyên dùng. Địa phương cũng hoàn thành số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 1/7/2025, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao tính minh bạch.

Nhân rộng cách làm hay, tháo gỡ khó khăn từ cơ sở

Thực tiễn tại Tân Trụ cho thấy, hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp không chỉ nằm ở việc tinh gọn bộ máy mà còn phụ thuộc vào tinh thần trách nhiệm, sự chủ động của cán bộ và chất lượng phục vụ người dân. Việc kịp thời biểu dương, nhân rộng những mô hình tốt, cách làm sáng tạo trong cải cách hành chính, chuyển đổi số sẽ góp phần lan tỏa kinh nghiệm thiết thực, tạo chuyển biến đồng đều giữa các địa phương.

Tuy nhiên, quá trình vận hành vẫn còn những khó khăn cần khắc phục. Một số quy định, hướng dẫn chưa theo kịp yêu cầu phân cấp, phân quyền; nhân lực chuyên môn, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin ở một số nơi còn hạn chế. Toàn tỉnh còn 3.422 trong tổng số 5.561 máy tính chưa đáp ứng yêu cầu; 22 trong số 96 xã, phường chưa bố trí được nhân sự có trình độ công nghệ thông tin. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa một số hệ thống chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ chuyển đổi số.

Trước thực tế đó, các địa phương kiến nghị tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; tăng cường tập huấn nghiệp vụ, nhất là đối với nhiệm vụ mới được phân cấp; đồng thời quan tâm đầu tư trang thiết bị, hạ tầng số và nguồn lực cho cơ sở. Việc phân cấp, phân quyền cần gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát.

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh Nguyễn Văn Quyết nhấn mạnh, dù việc triển khai mô hình mới là nhiệm vụ khó, chưa có tiền lệ, tỉnh đã bảo đảm bộ máy hoạt động ổn định, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thời gian tới, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động.

Từ thực tiễn vận hành, Tây Ninh xác định tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ, kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn và nhân rộng các mô hình hiệu quả. Qua đó, từng bước xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, tạo đồng thuận xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững.

Nguồn: nhandan.vn

BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TỪ GÓC ĐỘ THỂ CHẾ - TIẾP CẬN MÔ HÌNH CƠ QUAN NHÂN QUYỀN QUỐC GIA

Bảo đảm quyền con người là nội dung quan trọng trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Trong bối cảnh tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu, tham khảo mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia (NHRI) theo các chuẩn mực chung của Liên hợp quốc, trên cơ sở phù hợp với điều kiện chính trị - pháp lý và thực tiễn Việt Nam, có ý nghĩa thiết thực cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Quyền con người vừa là giá trị phổ quát của nhân loại, vừa mang tính lịch sử, giai cấp và gắn liền với điều kiện chính trị - kinh tế - văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc. Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên định mục tiêu giải phóng con người, coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển và là chủ thể của công cuộc đổi mới. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm: tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người gắn chặt với độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, lợi ích của nhân dân và sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước [(1)]. "Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phải xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu"[(2)] và "Con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển"[(3)]. Quan điểm này thể hiện bước phát triển mới trong nhận thức lý luận của Đảng về quyền con người, đặt việc bảo đảm và phát huy quyền con người trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển đất nước nhanh, bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đây là sự khẳng định nhất quán quan điểm của Đảng về vai trò trung tâm của con người trong toàn bộ quá trình phát triển đất nước, đồng thời là cơ sở chính trị quan trọng để tiếp tục hoàn thiện các thiết chế bảo đảm quyền con người trong giai đoạn mới.

Trong những năm qua, việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện quyền con người ở Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng, thể hiện tập trung ở Hiến pháp năm 2013, trong đó hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện và sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của Việt Nam vào các cơ chế nhân quyền của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, trước yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia và chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, vấn đề hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền con người đặt ra ngày càng rõ nét. Trong bối cảnh đó, mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia (NHRI) - một thiết chế được Liên hợp quốc khuyến nghị nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở cấp quốc gia - ngày càng được giới nghiên cứu và hoạch định chính sách quan tâm. Từ góc độ thể chế, việc nghiên cứu, tiếp cận mô hình này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn,

góp phần làm rõ những phương án hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam theo hướng chủ động, phù hợp và hiệu quả.

Bảo đảm quyền con người từ góc độ thể chế

Thể chế là tổng thể các quy tắc, chuẩn mực pháp lý và phi pháp lý, cùng với các thiết chế tổ chức và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội. Trong lĩnh vực quyền con người, thể chế giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi quyền con người chỉ có thể được bảo đảm đầy đủ khi được ghi nhận bằng pháp luật và được thực thi thông qua các thiết chế có thẩm quyền, trách nhiệm rõ ràng. Bảo đảm quyền con người từ góc độ thể chế đòi hỏi sự thống nhất giữa ba yếu tố cơ bản: hệ thống pháp luật bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ và khả thi; các thiết chế tổ chức thực thi, giám sát và bảo vệ quyền con người hoạt động hiệu lực, hiệu quả; các điều kiện bảo đảm về nguồn lực, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân. Trong đó, các thiết chế chuyên trách hoặc bán chuyên trách về quyền con người có vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa quy định pháp luật và thực tiễn đời sống xã hội.

Quan điểm của Đảng về quyền con người được thể hiện xuyên suốt trong các văn kiện Đại hội của Đảng và nhiều nghị quyết quan trọng. Đảng ta khẳng định rõ: Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; gắn quyền con người với nghĩa vụ công dân, với lợi ích của cộng đồng và quốc gia - dân tộc [(4)]. Hiến pháp năm 2013 đã tạo bước phát triển mang tính đột phá khi lần đầu tiên quy định một chương riêng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, đồng thời hiến định trách nhiệm của Nhà nước trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền này.

Trên cơ sở Hiến pháp, hệ thống pháp luật chuyên ngành tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung theo hướng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, như Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), Công ước về quyền trẻ em (CRC)…[(5)]. Việt Nam đồng thời tích cực tham gia cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR), đối thoại nhân quyền và thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ báo cáo quốc gia.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, thực tiễn bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay tiếp tục đặt ra những yêu cầu mới đối với việc hoàn thiện thể chế. Trước hết, yêu cầu tăng cường tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quyền con người ngày càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh hệ thống pháp luật không ngừng được sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Một số quy định pháp luật liên quan đến quyền con người vẫn còn chồng chéo, thiếu tính liên thông hoặc chưa được cụ thể hóa đầy đủ, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện và bảo đảm quyền trên thực tế [(6)]. Yêu cầu nâng cao hiệu quả thực thi và giám sát việc thực hiện quyền con người ngày càng được đặt ra rõ nét, tuy nhiên, việc giám sát thực thi quyền con người chủ yếu được lồng ghép trong chức năng chung của các cơ quan nhà nước, chưa có một cơ chế chuyên trách, độc lập tương đối để theo dõi, đánh giá một cách toàn diện và thường xuyên.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân. Trong bối cảnh Cách mạng công

nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, bảo đảm quyền con người không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ các quyền cơ bản mà còn phải tạo điều kiện để người dân được tiếp cận bình đẳng với tri thức, công nghệ, các dịch vụ công hiện đại và những thành quả của phát triển. Đây cũng là yêu cầu tất yếu của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, nhận thức của người dân về quyền con người được nâng cao, số lượng các phản ánh, kiến nghị liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có xu hướng gia tăng, với nội dung ngày càng đa dạng. Điều này đòi hỏi thể chế bảo đảm quyền con người không chỉ chú trọng hoàn thiện pháp luật, mà còn phải tăng cường các cơ chế tiếp nhận, xử lý, giám sát và phản hồi một cách minh bạch, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm.

Đặc biệt, quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng đang đặt ra những thách thức mới đối với việc bảo đảm quyền con người. Các vấn đề như bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư trên không gian mạng, quyền tiếp cận thông tin số, quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong bối cảnh dịch chuyển lao động và toàn cầu hóa… ngày càng trở nên cấp thiết. Việc bảo đảm quyền con người trong kỷ nguyên số đòi hỏi các quốc gia phải xây dựng và hoàn thiện những thiết chế phù hợp, có khả năng thích ứng linh hoạt với các biến đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội [(7)].

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc các mô hình thể chế bảo đảm quyền con người tiên tiến trên thế giới, trong đó có mô hình NHRI, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Đây không chỉ là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả, mà còn góp phần khẳng định cam kết nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

Kinh nghiệm quốc tế và một số gợi mở cho Việt Nam

Cơ quan nhân quyền quốc gia là thiết chế do nhà nước thành lập, có nhiệm vụ thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở cấp quốc gia, hoạt động trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là các Nguyên tắc Paris do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1993. Các nguyên tắc này nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính độc lập tương đối của NHRI, thẩm quyền rộng, nguồn lực đầy đủ, cơ cấu tổ chức đa dạng và phương thức hoạt động hiệu quả.

Một NHRI phù hợp với Nguyên tắc Paris thường hội tụ các đặc điểm cơ bản sau: *Thứ nhất*, được thành lập trên cơ sở hiến định hoặc luật định, qua đó bảo đảm vị trí pháp lý và tính ổn định trong hệ thống thể chế quốc gia. *Thứ hai*, có tính độc lập về tổ chức, nhân sự và tài chính, nhằm bảo đảm khả năng hoạt động khách quan, không chịu sự can thiệp tùy tiện. *Thứ ba*, có thẩm quyền rộng trong việc tư vấn, kiến nghị xây dựng và hoàn thiện pháp luật, giám sát việc thực hiện quyền con người, giáo dục - phổ biến kiến thức và hợp tác quốc tế. *Thứ tư*, bảo đảm tính đa dạng, đại diện trong thành phần, phản ánh các nhóm xã hội khác nhau. *Thứ năm*, duy trì mối quan hệ phối hợp hiệu quả với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ chế nhân quyền quốc tế. Mức độ đáp ứng các tiêu chí này quyết định hiệu quả

hoạt động và uy tín của NHRI, đồng thời là căn cứ để Liên hợp quốc đánh giá, công nhận tư cách hoạt động của các cơ quan này trong hệ thống nhân quyền quốc tế.

Hiện nay, hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đã thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia phù hợp với Nguyên tắc Paris. Nhiều NHRI không chỉ thực hiện chức năng giám sát truyền thống mà còn tham gia tư vấn chính sách về trí tuệ nhân tạo (AI), biến đổi khí hậu, quyền số và các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Xu hướng phát triển của NHRI hiện nay không chỉ tập trung vào bảo vệ các quyền dân sự, chính trị truyền thống mà ngày càng chú trọng các quyền phát triển, quyền tiếp cận công nghệ, quyền trong môi trường số và quyền được hưởng thành quả của đổi mới sáng tạo. Sự thành công của NHRI phụ thuộc trước hết vào mức độ phù hợp với bối cảnh quốc gia, sự ủng hộ chính trị và khuôn khổ pháp lý rõ ràng, hơn là việc sao chép hình thức tổ chức. Do đó, các mô hình NHRI trên thế giới chỉ mang tính giá trị tham khảo, giúp các quốc gia lựa chọn phương án tiếp cận phù hợp với điều kiện lịch sử, chính trị và yêu cầu phát triển của mình, tránh tư duy áp đặt hoặc máy móc.

Từ góc độ thể chế, việc nghiên cứu mô hình NHRI ở Việt Nam xuất phát từ yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường năng lực quốc gia trong việc tham gia, thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người. Trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu cầu đặt ra không chỉ là tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, mà còn phải củng cố các thiết chế hỗ trợ thực thi, giám sát và thúc đẩy việc thực hiện quyền con người trên thực tế.

Mặc dù hệ thống pháp luật về quyền con người ngày càng được hoàn thiện, song khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện vẫn là thách thức chung của nhiều quốc gia đang phát triển. Trong bối cảnh đó, NHRI - với vai trò là thiết chế tư vấn, hỗ trợ và kết nối - có thể góp phần tăng cường đối thoại chính sách, cung cấp ý kiến khách quan và khoa học cho các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng, sửa đổi và tổ chức thực hiện pháp luật liên quan đến quyền con người.

Mặt khác, trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam ngày càng tham gia tích cực vào các cơ chế nhân quyền của Liên hợp quốc, đặc biệt là cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) và các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Việc nghiên cứu mô hình NHRI vì vậy còn nhằm tăng cường năng lực thể chế quốc gia trong việc thực hiện các nghĩa vụ báo cáo, theo dõi khuyến nghị và thúc đẩy thực hiện các cam kết quốc tế, trên tinh thần chủ động, minh bạch và phù hợp với điều kiện chính trị - pháp lý của Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ 2023 - 2025, Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế quan trọng, tham gia tích cực vào các cơ chế của Liên hợp quốc, ASEAN và các diễn đàn đa phương về quyền con người. Các chu kỳ rà soát định kỳ phổ quát (UPR) ngày càng yêu cầu các quốc gia nâng cao năng lực theo dõi, đánh giá và thực hiện các khuyến nghị nhân quyền. Điều đó đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các thiết chế quốc gia nhằm hỗ trợ việc tổng hợp thông tin, đánh giá tác động chính sách và tăng cường đối thoại giữa nhà nước với người dân cũng như cộng đồng quốc tế về các vấn đề quyền con người.

Tuy nhiên, việc tiếp cận mô hình NHRI ở Việt Nam cần quan tâm vấn đề tính tương thích với hệ thống chính trị và nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước. Trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, Nhà nước tổ chức và thực thi quyền lực thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, việc thiết kế một thiết chế mới liên quan đến quyền con người đòi hỏi phải được xem xét hết sức thận trọng, tránh làm phát sinh những cách hiểu hoặc cơ chế vận hành không phù hợp với nguyên tắc hiến định. Bên cạnh đó là nguy cơ chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ với các cơ quan hiện có. Trên thực tế, nhiều cơ quan trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước ở Việt Nam đã và đang thực hiện các chức năng liên quan đến bảo vệ quyền con người và quyền công dân, như Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong hoạt động lập pháp, giám sát; Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước trong quản lý, tổ chức thực thi pháp luật; tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động tư pháp; cùng với vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Nếu không được xác định rõ vị trí pháp lý và phạm vi thẩm quyền, NHRI rất dễ rơi vào tình trạng trùng lặp chức năng hoặc hình thức, làm giảm hiệu quả chung của hệ thống thể chế. Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, việc thiết kế một thiết chế mới đòi hỏi phải cân nhắc kỹ lưỡng về tính khả thi, tránh tình trạng hình thành một cơ quan mang tính biểu trưng, thiếu nguồn lực và hiệu quả hoạt động.

Những băn khoăn và thách thức nêu trên cho thấy, việc tiếp cận mô hình NHRI ở Việt Nam cần được đặt trong tổng thể quá trình hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền con người, gắn với tổng kết thực tiễn trong nước và đánh giá tác động thể chế một cách toàn diện, khoa học.

Thứ nhất, việc nghiên cứu mô hình NHRI phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định định hướng chính trị, mục tiêu và phương thức bảo đảm quyền con người trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mọi mô hình thể chế liên quan đến quyền con người đều phải được đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, phù hợp với nguyên tắc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước đã được hiến định, đồng thời phản ánh nhất quán quan điểm của Đảng về quyền con người gắn với quyền dân tộc, độc lập, chủ quyền và ổn định chính trị - xã hội.

Thứ hai, tiếp cận mô hình NHRI cần tránh tư duy sao chép, áp dụng máy móc các mô hình ngoại sinh, không làm phát sinh những cơ chế theo các khuôn mẫu xa lạ với hệ thống chính trị Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam tích cực hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết từ các công ước nhân quyền đã tham gia, NHRI - nếu được nghiên cứu và tiếp cận - cần được xác định là thiết chế bổ trợ, hỗ trợ nhà nước trong việc tư vấn chính sách, thúc đẩy thực thi, theo dõi và đánh giá việc bảo đảm quyền con người, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia; không phải là một cơ quan theo nghĩa đứng ngoài hay làm suy giảm vai trò thống nhất của quyền lực nhà nước.

Thứ ba, việc nghiên cứu NHRI cần gắn với yêu cầu phát huy hiệu quả của các thiết chế hiện có trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước, như Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Quan điểm xuyên suốt là hoàn thiện, bổ sung và tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát và phản biện xã hội, trên cơ

sở phân công - phối hợp - kiểm soát quyền lực nhà nước, thay vì hình thành một cơ quan mới làm gia tăng sự phân tán nguồn lực hoặc chồng chéo chức năng.

Thứ tư, việc nghiên cứu hoàn thiện các thiết chế bảo đảm quyền con người cần quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng về xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, lấy người dân làm trung tâm, chủ thể của quá trình phát triển. Trong kỷ nguyên phát triển mới, quyền con người không chỉ được tiếp cận dưới góc độ bảo vệ các quyền cơ bản mà còn gắn với việc tạo lập cơ hội phát triển toàn diện cho mỗi người dân, bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục chất lượng cao, dịch vụ y tế hiện đại, môi trường sống an toàn, công nghệ số, tri thức và thành quả của đổi mới sáng tạo. Đây là cách tiếp cận phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thứ năm, việc nghiên cứu các mô hình thể chế bảo đảm quyền con người cần được đặt trong tổng thể tầm nhìn phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển, do vậy, mọi thiết chế, chính sách và cơ chế bảo đảm quyền con người phải hướng tới phát huy tối đa năng lực sáng tạo, quyền làm chủ và khát vọng cống hiến của mỗi người dân vì sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Việc nghiên cứu mô hình NHRI ở Việt Nam cần được đặt trong tổng thể chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, coi đây là một phương án thể chế mang tính tham khảo, được tiếp cận có điều kiện, thận trọng và theo lộ trình phù hợp; gắn với tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động thể chế một cách khoa học, toàn diện, qua đó vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về quyền con người, vừa bảo đảm vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc và sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước.

Từ tiếp cận mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia, có thể đề xuất một số định hướng quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quyền con người. Hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền con người trước hết đòi hỏi tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi và phù hợp với Hiến pháp năm 2013 cũng như các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Trọng tâm là tăng cường các cơ chế bảo vệ quyền con người trong toàn bộ quá trình xây dựng và thực thi pháp luật, bảo đảm quyền con người được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Cùng với đó, cần chú trọng hoàn thiện pháp luật trong các lĩnh vực mới nảy sinh từ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, qua đó kịp thời nhận diện, phòng ngừa và xử lý những nguy cơ xâm hại quyền con người trong bối cảnh mới.

Hai là, nâng cao hiệu quả các thiết chế hiện có. Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, việc bảo đảm quyền con người cần được đặt trên nền tảng phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các thiết chế đã được Hiến pháp và pháp luật quy định, như Quốc hội, Chính phủ, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị

- xã hội. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, phân công và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước; tăng cường hiệu lực, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội; đồng thời chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác liên quan đến quyền con người. Đây là điều kiện then chốt để bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân được thực thi thực chất, không hình thức.

Ba là, nghiên cứu lộ trình và mô hình phù hợp. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong nước và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, việc nghiên cứu tiếp cận mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia cần được thực hiện theo lộ trình thận trọng, từng bước, gắn chặt với yêu cầu và điều kiện cụ thể của Việt Nam [8].

Trọng tâm của quá trình nghiên cứu là làm rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và mối quan hệ của thiết chế này (nếu được xem xét) với các cơ quan hiện có trong hệ thống chính trị; bảo đảm không làm phát sinh cơ chế quyền lực xa lạ, không gây chồng chéo chức năng, đồng thời hướng tới hiệu quả thực chất, tránh hình thức. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm coi NHRI là một phương án thể chế mang tính tham khảo, lựa chọn có điều kiện trong tiến trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định rõ yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của sự phát triển; lấy mức độ hài lòng và hạnh phúc của nhân dân làm thước đo quan trọng của hiệu quả quản trị quốc gia. Bảo đảm quyền con người không chỉ là yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà còn là điều kiện để phát huy sức mạnh sáng tạo của mỗi người dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Việc nghiên cứu mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia vì vậy cần được đặt trong tổng thể chiến lược xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm mọi chính sách phát triển đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân. Đây cũng là con đường để tiếp tục hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền con người phù hợp với điều kiện Việt Nam, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Nguyễn Thị Khánh Loan - Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 47 – 48

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 28

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 215 – 216

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb.* Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 169

(5) Xem: United Nations: *International Covenant on Civil and Political Rights (Tạm dịch:* Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị), 1966; United Nations:

International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights (Tạm dịch: Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa), 1966

(6) Xem: Nguyễn Đăng Dung: *Nhà nước pháp quyền và quyền con người,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 112 – 118

(7) United Nations Human Rights Council: *The Right to Privacy in the Digital Age (Tạm dịch:* Quyền riêng tư trong kỷ nguyên số), A/HRC/RES/48/4, 2021

(8) United Nations General Assembly, *Principles relating to the Status of National Institutions (The Paris Principles) (Tạm dịch:* Các nguyên tắc liên quan đến quy chế của các cơ quan quốc gia (Các Nguyên tắc Paris), A/RES/48/134, 1993

145 TRIỆU DỮ LIỆU ĐƯỢC SỐ HOÁ VÀ NHỮNG CON SỐ PHÍA SAU HỆ THỐNG HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

Cú ngoặt cho "dữ liệu gốc" của cuộc đời con người

Hộ tịch là loại dữ liệu đặc biệt. Đây được xem là "dữ liệu gốc" ghi nhận từ sự kiện đầu tiên tới cuối cùng của mỗi con người, từ khai sinh đến khai tử, cùng những cột mốc ở giữa như kết hôn, nhận cha, mẹ, con, giám hộ hay nuôi con nuôi. Dữ liệu hộ tịch phục vụ giải quyết tới 80% thủ tục hành chính.

Chính vì vậy, Bộ Tư pháp đã quyết tâm số hoá dữ liệu hộ tịch để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện. Từ năm 2016, Bộ Tư pháp cùng Tập đoàn Viettel thí điểm phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch, triển khai từ trung ương đến cấp xã. Đến tháng 10/2024, Bộ Tư pháp tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, với mục tiêu sẵn sàng vận hành trên toàn quốc.

Theo chỉ đạo của Chính phủ, mỗi công dân phải có một danh tính số và mỗi sự kiện hộ tịch phải được cập nhật chính xác, kịp thời. Bước ngoặt về mặt pháp lý nằm ở Quyết định số 3458/QĐ-BTP, khi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, sau khi được chuẩn hoá và xác thực, đủ điều kiện để khai thác thay thế giấy tờ bản giấy trong hồ sơ thủ tục hành chính. Nói cách khác, nền hành chính chuyển từ "nộp giấy tờ" sang "khai thác dữ liệu". Người dân không phải mang giấy đến chứng minh điều mà Nhà nước đã có sẵn.

Tính tới tháng 12/2025, việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về hộ tịch đã đạt được những thành tích to lớn. Cụ thể, gần 2,3 triệu hồ sơ hộ tịch đã được tiếp nhận và xử lý thành công. Ngoài ra, hơn 145 triệu dữ liệu hộ tịch đã được tạo lập trên hệ thống, 78,8 triệu dữ liệu đã được đồng bộ và đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hệ thống đang quản lý thông tin hộ tịch của khoảng 84 triệu công dân và đã hỗ trợ cấp mã số định danh cho gần 17,9 triệu trẻ em…

Xoá bỏ nỗi lo về quê làm giấy tờ với người dân là trung tâm

Hiện tại, cơ sở dữ liệu quốc gia về hộ tịch đang mang lại những chuyển biến tích cực cho người dân. Những thay đổi dễ nhận thấy nhất ở khâu xin cấp bản sao trích lục hộ tịch không phụ thuộc nơi đăng ký ban đầu. Trước đây, muốn có bản sao, người dân phải đến đúng nơi đã đăng ký. Giờ đây, họ có thể yêu cầu tại bất kỳ xã nào trên cả nước. Đã có hơn 66.000 hồ sơ được giải quyết theo cách này với thời gian xử lý rút ngắn từ 30 - 50%.

Một người làm việc xa quê nay không còn phải xin nghỉ làm rồi chạy về quê chỉ vì một tờ giấy. Một doanh nghiệp cần giấy tờ nhân sự cũng không phải chờ đợi lâu như trước. Và với 70% hồ sơ được nộp qua cổng dịch vụ công và hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, nhiều thủ tục có thể thực hiện ngay tại nhà.

Không chỉ nhanh hơn, mọi việc còn chính xác hơn. Hệ thống đã thực hiện xác minh tình trạng hôn nhân cho hơn 700.000 hồ sơ, kết quả trả về dưới dạng điện tử. Cán bộ có thể phát

hiện kịp thời những thông tin mâu thuẫn, qua đó hạn chế các trường hợp kết hôn trái quy định và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân.

Nhờ dữ liệu hộ tịch đã liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống của Bảo hiểm xã hội, thủ tục khai sinh có thể đi liền với cấp số định danh cá nhân và liên thông bảo hiểm y tế cho trẻ.

Dù người dân là những người hưởng lợi trực tiếp, đồng thời cũng giữ vị trí trung tâm của chuyển đổi số, cán bộ và cơ quan quản lý cũng ghi nhận những thay đổi tích cực từ tiến trình này. Với cán bộ tư pháp - hộ tịch, quy trình xử lý được chuẩn hóa, giảm thao tác thủ công, nâng cao độ chính xác trong thống kê và đối soát dữ liệu. Đối với cơ quan quản lý, hệ thống cung cấp nguồn dữ liệu thống nhất, phục vụ công tác điều hành, kiểm tra và phòng ngừa gian lận.

Dấu ấn công nghệ Việt vì lợi ích người Việt

Tuy nhiên, xây dựng thành công một hệ thống như vậy không đơn giản. Thách thức lớn nhất là làm sạch dữ liệu. Ở một số địa phương, dữ liệu hộ tịch vẫn tồn tại dưới dạng văn bản giấy. Khối lượng cần chuẩn hoá và đối chiếu với dữ liệu dân cư rất lớn, yêu cầu vừa nhanh, vừa tuyệt đối chính xác. Nhiều bản ghi phải kiểm tra thủ công hoặc xác minh lại với địa phương.

Trong 13 tháng, 77 kỹ sư và cán bộ của Viettel Solutions làm việc liên tục cùng Bộ Tư pháp và các địa phương để hoàn thiện sản phẩm, đồng thời tiến hành khảo sát nghiệp vụ, thiết kế quy trình chuẩn toàn quốc, phát triển 8 phần mềm hộ tịch điện tử độc lập tích hợp thống nhất, kiểm thử nhiều vòng và đào tạo cán bộ từ Bộ Tư pháp, Cục Lãnh sự, các cơ quan đại diện đến 34 tỉnh, thành phố. Một tổ phản ứng nhanh trực 24/7 để hỗ trợ địa phương xử lý vướng mắc.

Thời điểm khó khăn nhất đến vào năm 2025, khi cả nước chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Hệ thống tích hợp xong với hệ thống thủ tục hành chính của 34/34 tỉnh, thành phố, sẵn sàng từ 01/7/2025. Đến ngày 20/7/2025, 100% dữ liệu lịch sử đã được chuyển đổi. Riêng việc chuyển đổi hệ thống theo mô hình mới, Viettel Solutions hoàn thành chỉ trong 7 ngày, giúp đảm bảo hàng nghìn xã, phường không gặp gián đoạn trong việc cấp giấy tờ cho người dân.

Hệ thống hộ tịch điện tử tích hợp toàn bộ nghiệp vụ hộ tịch: khai sinh, khai tử, kết hôn, ly hôn, giám hộ, nhận cha mẹ con, cải chính, bổ sung, cấp bản sao và trích lục. Hệ thống có cơ chế tự động đối chiếu, kiểm tra dữ liệu, tích hợp chữ ký số và số hoá hồ sơ để xử lý trực tuyến, truy vết đầy đủ. Dashboard điều hành cung cấp số liệu thời gian thực cho lãnh đạo. Bảo mật nhiều lớp, từ xác thực đa yếu tố, phân quyền chi tiết đến mã hoá dữ liệu, giúp bảo vệ thông tin của hàng chục triệu công dân.

Chính bởi vậy, Hệ thống hộ tịch điện tử đang trở thành nền móng của "hệ sinh thái dữ liệu" đa ngành. Nhờ khả năng liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống của Bảo hiểm xã hội, hệ thống giúp cắt giảm nhiều bước trong việc cung cấp thủ tục hành chính đến người dân. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Hộ tịch cũng góp phần đặt nền móng cho một Chính phủ số mà ở đó, người dân thực sự là trung tâm của sự phục vụ.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ CÔNG TRƯỚC YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

Trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đổi mới quản trị công không những đòi hỏi nâng cao năng lực của từng cơ quan mà còn cần tăng cường kết nối, phối hợp và huy động hiệu quả nguồn lực toàn xã hội.

Những câu chuyện thực tiễn về tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, triển khai Đề án 06, ứng phó với đại dịch COVID-19 hay chuyển đổi số ở các địa phương hiện nay cho thấy, hiệu quả quản trị phụ thuộc lớn vào khả năng biến nguồn lực phân tán thành sức mạnh chung của cả hệ thống.

Khi công nghệ mở ra phương thức quản trị mới

Một phản ánh của người dân về vấn đề phát sinh tại địa phương sẽ có ý nghĩa đến đâu nếu thông tin được tiếp nhận nhưng chậm xử lý, hoặc người gửi không biết kết quả giải quyết? Câu hỏi ấy "chạm" đến yêu cầu cốt lõi của quản trị hiện đại, đó là công nghệ phải giúp chính quyền hành động hiệu quả hơn, đồng thời tạo ra cơ chế tương tác thực chất với người dân.

Ví dụ tại thành phố Huế, ứng dụng Hue-S là một minh chứng rằng công nghệ chỉ thực sự phát huy giá trị khi tạo ra được một không gian số mở để chính quyền, doanh nghiệp và người dân cùng tham gia đồng kiến tạo.

Ông Nguyễn Dương Anh, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế chia sẻ: "Ứng dụng Hue-S không chỉ dừng lại ở các chỉ số kỹ thuật hay việc bao phủ mà cốt lõi nằm ở sự thay đổi mối quan hệ tương tác. Ứng dụng cho phép người dân không còn thụ động "chờ nghe - chấp hành" mà có thể trực tiếp phản ánh, tương tác và nhận câu hỏi, trả lời từ chính quyền chỉ trong vòng 24 - 48 giờ. Sự phản hồi kịp thời, minh bạch, coi ý kiến của người dân là thước đo trách nhiệm quản lý đã xây dựng được niềm tin số sâu sắc giữa người dân và chính quyền".

Điều này cũng đặt ra bài toán về hạ tầng, nhân lực, kinh phí vận hành và khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các cấp. Công nghệ có thể tạo ra điểm kết nối, nhưng để điểm kết nối hoạt động lâu dài, phía sau phải có quy trình phối hợp và cơ chế chịu trách nhiệm rõ ràng.

Tiến sĩ Trương Quốc Việt, Phó Trưởng khoa Hành chính học, Học viện Hành chính và Quản trị công, dẫn ra các mô hình Hue-S tại Huế, Danang Smart City tại Đà Nẵng, Cổng thông tin 1022 *(tiếp nhận và giải đáp thông tin cho người dân, doanh nghiệp và tổ chức)* tại Thành phố Hồ Chí Minh và iHaNoi tại Hà Nội để cho thấy những cách thức kết nối chính quyền với người dân đang được triển khai tại Việt Nam.

Theo ông, quản trị linh hoạt cần được nhìn nhận từ chất lượng và hiệu quả hoạt động công vụ, gắn với yêu cầu bảo đảm tính pháp quyền. Sự chuyển đổi căn bản là từ năng lực của từng cơ quan sang năng lực của toàn hệ thống; từ việc huy động nguồn lực trong phạm vi nhà nước sang kết nối nhiều chủ thể; từ phản ứng sau khi sự việc xảy ra sang nhận biết sớm, thích ứng và học hỏi liên tục.

Đây cũng là điểm nối giữa câu chuyện chuyển đổi số ở Huế với những bài toán quản trị rộng hơn. Khi vấn đề công liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, một cơ quan hoạt động tốt chưa đủ bảo đảm kết quả chung. Hiệu quả chỉ được tạo ra khi các cơ quan có thể phối hợp, chia sẻ dữ liệu và thống nhất cách hành động.

Bốn phép thử của năng lực quản trị hiện đại

Ngoài những mô hình kết nối ở các địa phương, Tiến sĩ Trương Quốc Việt phân tích thêm 4 trường hợp điển hình, qua đó làm rõ cách năng lực quản trị được hình thành và kiểm nghiệm trong thực tế.

Trường hợp thứ nhất là câu chuyện phòng, chống đại dịch COVID-19 *(giai đoạn 2019-2023)*. Cuộc khủng hoảng đặt hệ thống quản trị trước yêu cầu huy động nhanh nguồn lực, phối hợp nhiều lực lượng và điều chỉnh phương thức hành động theo diễn biến dịch bệnh.

Theo phân tích của Tiến sĩ Trương Quốc Việt, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các chủ thể xã hội, cùng những lời kêu gọi huy động nguồn lực từ chính quyền, đã góp phần tạo nên sức mạnh tập thể.

Quỹ vaccine phòng COVID-19 huy động được hơn 11.000 tỷ đồng; hoạt động ngoại giao vaccine góp phần đưa lượng lớn vaccine về Việt Nam. Những kết quả này cho thấy vai trò của việc kết hợp nguồn lực trong nước với hợp tác quốc tế, đồng thời phản ánh tầm quan trọng của truyền thông chính sách và niềm tin xã hội trong các tình huống khẩn cấp.

Tuy nhiên, bài học quản trị không nằm ở việc huy động được bao nhiêu nguồn lực. Điều quan trọng là hệ thống đã chuyển nguồn lực ấy thành hành động đúng lúc, có điều chỉnh biện pháp khi tình hình thay đổi. Bởi, một mô hình vận hành hiệu quả phải có khả năng nhận diện vấn đề, phối hợp thực thi và rút kinh nghiệm từ chính quá trình thực hiện.

Trường hợp thứ hai là Đề án 06 và việc phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia. TS Trương Quốc Việt cho biết: “Hiện nay Đề án 06 và Trung tâm Dữ liệu quốc gia đã kết nối khoảng 73 triệu cơ sở dữ liệu, gần 524 triệu bản ghi dữ liệu, Cổng Dịch vụ công quốc gia thì đã thực hiện trên 26,6 triệu dịch vụ công”.

“Điều quan trọng đó là dữ liệu phải thực sự trở thành năng lực khi được chuẩn hóa kết nối. Và nguyên tắc của Việt Nam đưa ra là dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, liên thông và thống nhất dùng chung. Điều đó dẫn đến tư duy năng lực quản trị dựa trên dữ liệu”, Tiến sĩ Trương Quốc Việt nêu quan điểm.

Trường hợp thứ ba là cuộc cải cách tổ chức bộ máy và chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Trong một thời gian rất ngắn từ cuối năm 2024 khi có chủ trương đến tinh gọn bộ máy cho đến ngày 01/7/2025, Việt Nam đã thực hiện một khối lượng công việc rất lớn là tinh gọn từ 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 63 tỉnh, thành phố còn 17 bộ, cơ quan ngang bộ và 34 tỉnh, thành phố, cộng với các tác động đến ít nhất khoảng 150.000 cán bộ công chức mà vẫn thực hiện được. Vậy điều gì làm nên thành công đó. Đó là sự thống nhất quyết tâm của cả hệ thống chính trị với tinh thần “vừa chạy, vừa xếp hàng”.

Trường hợp thứ tư là cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox). Trong bối cảnh công nghệ và mô hình kinh doanh thay đổi nhanh, quy định hiện hành đôi khi chưa theo kịp thực tiễn. Nếu chỉ chờ một khuôn khổ hoàn chỉnh mới hành động, cơ quan quản lý có thể bỏ lỡ cơ hội kiểm nghiệm giải pháp mới; ngược lại, triển khai thiếu kiểm soát có thể tạo ra rủi ro pháp lý và xã hội.

"Việt Nam đã thành lập trung tâm tài chính quốc tế đặt tại 2 thành phố là TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Trong ngành ngân hàng thì cũng thiết lập cơ chế thực nghiệm từ năm 2025 về chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao dịch điện tử và cho vay ngân hàng. Rồi ở các thành phố như Điện Biên, Đà Nẵng, khu công nghệ cao Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng bắt đầu cho phép cơ chế thực nghiệm liên quan đến các nền tảng công nghệ số…", Tiến sĩ Trương Quốc Việt chia sẻ.

Và từ thực nghiệm thì có bằng chứng, sau đó đánh giá và bắt đầu thể chế hóa để có thể tiếp tục thực hiện hoặc chuyển thành một cơ chế chính thức để bảo vệ cán bộ dám nghĩ dám làm và giữa câu chuyện pháp quyền cộng cách tiếp cận thực tiễn của vấn đề. Đây không phải là sự thay thế pháp luật bằng sự linh hoạt tùy nghi, mà là cách tạo không gian thử nghiệm trong khuôn khổ được xác định rõ.

Mắt xích tạo nên năng lực hệ thống

Có thể thấy, những trường hợp trên thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng cùng đặt ra một yêu cầu: năng lực quản trị phải được tổ chức thành năng lực của toàn hệ thống. Ứng phó khủng hoảng cần phối hợp nguồn lực; quản trị dữ liệu cần liên thông giữa cơ quan; phân quyền cần gắn với năng lực thực thi; thử nghiệm chính sách cần kết nối thực tiễn với quá trình hoàn thiện thể chế.

Theo Tiến sĩ Trương Quốc Việt, những vị trí quyết định sự vận hành ấy là "điểm nối quản trị". Đó là nơi dữ liệu gặp thẩm quyền, nhiệm vụ đi cùng nguồn lực, trung ương phối hợp với địa phương, thử nghiệm được chuyển hóa thành quy định và nhà nước kết nối với xã hội.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi) đề xuất không lập biên bản đối với một số trường hợp vi phạm được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ. Quy định này nhằm rút ngắn thời gian xử lý, giảm thủ tục không cần thiết, đồng thời bảo đảm tính khách quan, chính xác và đầy đủ căn cứ pháp lý khi ban hành quyết định xử phạt.

Tận dụng dữ liệu kỹ thuật, giảm thủ tục trung gian

Trong thực tiễn quản lý nhà nước, nhiều hành vi vi phạm hành chính được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ như cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới,

thiết bị đo nồng độ cồn trong hơi thở, hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự và điều hành giao thông.

Theo Bộ Công an, kết quả thu thập từ các phương tiện, thiết bị này có thể ghi nhận đầy đủ những thông tin quan trọng phục vụ xử lý vi phạm, gồm thời gian, địa điểm, hành vi vi phạm, thông tin về cá nhân, tổ chức liên quan và các dữ liệu kỹ thuật như hình ảnh, âm thanh, chỉ số đo hoặc kết quả phân tích. Những thông tin này về cơ bản tương ứng với các nội dung quan trọng của biên bản vi phạm hành chính.

Sau khi có kết quả ghi nhận vi phạm, người có thẩm quyền thực hiện các bước xử lý theo quy định, gồm xác định thông tin về tổ chức, cá nhân vi phạm; gửi thông báo yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trừ trường hợp đã xác định được đối tượng vi phạm và những người có liên quan tại địa điểm xảy ra vi phạm; ban hành và tổ chức thi hành quyết định xử phạt.

Trên cơ sở đó, dự thảo Luật đề xuất bổ sung quy định không lập biên bản đối với trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ. Việc đơn giản hóa quy trình được kỳ vọng góp phần giảm thời gian xử lý, hạn chế chi phí phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số.

Bảo đảm căn cứ pháp lý, giữ tính khách quan trong xử phạt

Một trong những yêu cầu đặt ra khi đơn giản hóa thủ tục là phải bảo đảm việc xử phạt được thực hiện trên cơ sở đầy đủ căn cứ, đúng trình tự và thẩm quyền. Việc không lập biên bản không đồng nghĩa với việc bỏ qua các bước xác minh, thu thập chứng cứ hoặc bảo đảm quyền của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 44 dự thảo Luật quy định "Trường hợp chưa đủ căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc thuộc trường hợp giải trình, thì người có thẩm quyền không phải lập biên bản vi phạm hành chính nhưng phải thực hiện thủ tục quy định tại các Điều 47, 48, 49 và 50 của Luật này".

Trong trường hợp phải thực hiện các thủ tục quy định tại các điều 47 (xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính); Điều 48 (thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử); Điều 49 (xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính) và Điều 50 (giải trình) của dự thảo Luật, người có thẩm quyền phải lập các văn bản, tài liệu thể hiện quá trình và kết quả thực hiện các thủ tục này, do đó sẽ đảm bảo ghi nhận khách quan, chính xác, đầy đủ quá trình, kết quả xác minh tình tiết, thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử, xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giải trình để làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, trường hợp này không cần thiết phải lập biên bản vi phạm hành chính để rút ngắn quy trình, thời gian xử phạt mà vẫn bảo đảm tính chính xác, khách quan. Việc phải lập biên bản vi phạm hành chính trong các trường hợp này làm tăng thủ tục xử phạt không cần thiết, kéo dài thời gian xử lý, phát sinh chi phí và chưa phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

Nguồn: daibieunhandan.vn

QUẢN TRỊ SỐ - KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC

Không trực tiếp tạo ra sản phẩm hay doanh thu như doanh nghiệp, nhưng hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước có tác động sâu rộng đến môi trường kinh doanh và khả năng sử dụng nguồn lực xã hội. Từ những mô hình chuyển đổi số ở từng khu dân cư, tổ dân phố, giá trị của quản trị số đang được thể hiện qua việc rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí giao dịch, tăng tính minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Khi dữ liệu giúp chính quyền vận hành hiệu quả hơn

"Một phản ánh về rác thải xây dựng tồn đọng trên đường phố, trước đây, người dân có thể phải tìm hiểu cơ quan nào có trách nhiệm xử lý, liên hệ qua kênh nào và mất bao lâu để nhận được phản hồi. Giờ đây, với ứng dụng iHanoi, người dân có thể gửi nội dung, hình ảnh và vị trí phản ánh ngay trên điện thoại, thông qua một điểm tiếp cận thống nhất".

Đó là tình huống được Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội Nguyễn Anh Tuấn sử dụng để làm rõ sự thay đổi trong cách thức cung cấp dịch vụ và tương tác giữa chính quyền với người dân.

Theo ông Nguyễn Anh Tuấn, iHanoi được phát triển theo định hướng ứng dụng tích hợp nhiều dịch vụ, tiện ích trên cùng một nền tảng. Thay vì người dân phải tìm kiếm và sử dụng nhiều ứng dụng riêng lẻ, các tiện ích như Smart Police, HanoiGo, đặt lịch dịch vụ công và tiếp cận thông tin được từng bước tích hợp về một điểm.

Điểm đáng chú ý của mô hình này không chỉ nằm ở công nghệ, mà còn ở hiệu quả tiết kiệm thời gian và công sức của người sử dụng. Với 263.395 phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý qua iHanoi, nếu mỗi trường hợp theo phương thức truyền thống cần khoảng 2 giờ tìm hiểu quy định, chuẩn bị và gửi nội dung, trong khi sử dụng ứng dụng chỉ mất khoảng 15 phút, tổng thời gian người dân có thể tiết kiệm ước gần 500.000 giờ.

Đây là số liệu ước tính theo phương pháp so sánh được Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội Nguyễn Anh Tuấn nêu. Ông khẳng định, thời gian người dân không phải dành cho việc tìm kiếm thông tin, đi lại hay chờ đợi có thể được sử dụng cho công việc và các hoạt động khác. Khi lợi ích ấy xuất hiện trên quy mô lớn, hiệu quả chuyển đổi số không còn bó hẹp trong phạm vi một cơ quan hay một phần mềm.

Cũng từ nền tảng iHanoi, ứng dụng HanoiCheck giúp phụ huynh tiếp cận thông tin về thực đơn, bữa ăn và truy xuất nguồn gốc thực phẩm tại trường học. Hiện nay, hệ thống đã kết nối gần 1,5 triệu học sinh, ghi nhận 247.339 lượt truy cập trong thời gian từ ngày 01/9 đến ngày 8/10/2026.

Từ câu chuyện phản ánh hiện trường đến truy xuất nguồn gốc thực phẩm, có thể thấy chuyển đổi số đang thay đổi cách thức người dân tiếp cận dịch vụ và thông tin. Tuy nhiên, giá trị lớn hơn của mô hình chỉ được bảo đảm khi thông tin được cập nhật chính xác, phản ánh được xử lý đến cùng và các cơ quan thực sự phối hợp trong vận hành.

Đây cũng là kinh nghiệm đang được Thành phố Huế đúc rút từ quá trình xây dựng đô thị thông minh. Theo Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Huế Nguyễn Kim Tùng, sau hơn bảy năm vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh HueIOC và phát triển hệ sinh thái Hue-S, thành phố đã từng bước chuyển từ cung cấp các dịch vụ số riêng lẻ sang hình thành một không gian kết nối chính quyền, người dân, doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội.

Đến nay, Hue-S cung cấp hơn 50 dịch vụ, tiện ích, có trên 1,3 triệu tài khoản đăng ký, trong đó hơn 900.000 tài khoản của người dân Huế được xác thực qua VNeID.

Đáng chú ý, chức năng phản ánh hiện trường đã kết nối 164 cơ quan, đơn vị tham gia xử lý, gồm 109 cơ quan hành chính nhà nước, 28 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn và 27 doanh nghiệp. Hệ thống đã tiếp nhận gần 210.000 phản ánh, góp ý, báo hỏi và hỏi đáp; hơn 139.000 phản ánh được xác minh, tiếp nhận và chuyển cơ quan chức năng xử lý, theo dõi. Tỷ lệ xử lý hoàn thành được báo cáo đạt trên 99%; tỷ lệ hài lòng và chấp nhận của người dân, doanh nghiệp trên 91%.

Những con số này cho thấy một thay đổi quan trọng trong tổ chức quản trị. Người dân không chỉ gửi phản ánh mà còn có thể theo dõi kết quả; cơ quan quản lý không chỉ tiếp nhận thông tin mà có công cụ phân công, kiểm tra tiến độ và đánh giá việc xử lý.

Từ kinh nghiệm thực tiễn, ông Nguyễn Kim Tùng nhấn mạnh, xây dựng đô thị thông minh không bắt đầu từ việc có bao nhiêu ứng dụng, mà bắt đầu từ việc chính quyền tổ chức lại hoạt động quản trị như thế nào trên môi trường số.

Quan điểm ấy được thể hiện rõ hơn khi Huế mở rộng Hue-S với các nền tảng "Hiến kế", "Hỗ trợ doanh nghiệp" và "Bản đồ số dự án thu hút đầu tư". Trong đó, nền tảng "Hỗ trợ doanh nghiệp" tạo thêm kênh kết nối, giúp cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận thông tin, chính sách và phản ánh khó khăn, vướng mắc. "Bản đồ số dự án thu hút đầu tư" góp phần công khai thông tin về các dự án đầu tư ngoài ngân sách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận cơ hội đầu tư.

Đây là những ứng dụng có mối liên hệ gần hơn với hoạt động kinh tế. Khi doanh nghiệp tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch hơn, khả năng tìm kiếm cơ hội, chuẩn bị phương án kinh doanh và đưa ra quyết định đầu tư cũng được cải thiện.

Như vậy, chuyển đổi số trong quản trị nhà nước không chỉ hướng tới cung cấp dịch vụ thuận tiện, mà còn có thể góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, một điều kiện quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng.

Giảm chi phí xã hội, mở rộng không gian phát triển

Hiệu quả quản trị số không chỉ thể hiện ở các thành phố lớn. Tại cấp xã, phường, nơi trực tiếp giải quyết nhiều công việc của người dân và doanh nghiệp, những thay đổi về quy trình hành chính và thói quen sử dụng công nghệ đang tạo ra chuyển biến cụ thể.

Tại phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai, chuyển đổi số được triển khai từ việc thay đổi cách người dân thực hiện thủ tục hành chính, từng bước chuyển từ nộp hồ sơ giấy sang sử dụng dịch vụ trực tuyến.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Phước Ngô Hồng Khang, nếu như năm 2025, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đạt 85,2%, thì trong 9 tháng đầu năm 2026, Trung tâm đã tiếp nhận và xử lý 19.028 hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%. Trong số này, 18.661 hồ sơ đã giải quyết đều đúng hoặc trước hạn, không có hồ sơ quá hạn. Cùng thời gian, Trung tâm đã hướng dẫn 65.860 lượt người dân, tổ chức và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

Đáng chú ý, phường Bình Phước không chỉ chú trọng trang bị nền tảng công nghệ mà còn đẩy mạnh phong trào "Bình dân học vụ số", mô hình "Mỗi người dân là một công dân số", hướng dẫn người dân làm quen với các thao tác, dịch vụ trên môi trường điện tử.

Cách tiếp cận này xuất phát từ một thực tế, không phải cứ có điện thoại thông minh hoặc được cài đặt ứng dụng là người dân đã có khả năng sử dụng công nghệ hiệu quả. Việc thay đổi nhận thức, kỹ năng và thói quen mới quyết định mức độ chuyển đổi số đi vào cuộc sống.

Tại phường Việt Hưng (Hà Nội), chuyển đổi số lại được triển khai thông qua những bài toán cụ thể trong quản lý địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Việt Hưng Vũ Xuân Trường cho biết, địa phương đã cơ bản hoàn thành hệ thống bản đồ số GIS với chín lớp dữ liệu trọng tâm, từng bước hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, cải cách hành chính và điều hành. Trong lĩnh vực thương mại, 7/7 chợ đã triển khai mô hình Chợ 4.0; lĩnh vực giáo dục có 6/9 trường triển khai Smart Canteen.

Đặc biệt, từ sáng kiến của Tổ dân phố Giang Biên 4, phường triển khai mô hình "Tổ dân phố số - Kết nối, đồng hành, phát triển", với ứng dụng "Việt Hưng kết nối" hỗ trợ tổ chức thông tin và xử lý công việc.

Trước đây, việc gửi thông báo, tiếp nhận phản ánh qua các nhóm trao đổi có thể khiến thông tin bị trôi, khó xác định người phụ trách và tiến độ giải quyết. Với mô hình mới, địa phương hướng tới tổ chức lại quy trình để mỗi thông tin có nơi tiếp nhận, mỗi việc có người chịu trách nhiệm và mỗi phản ánh được theo dõi đến cùng.

Theo ông Vũ Xuân Trường, mô hình không đồng nghĩa với phần mềm. Công nghệ có thể thay đổi, nhưng quy trình, con người, dữ liệu và trách nhiệm phối hợp mới là những yếu tố quyết định hiệu quả thực chất. Đây cũng là vấn đề cần nhìn nhận khi đánh giá đóng góp của chính quyền số đối với tăng trưởng kinh tế.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sĩ Bùi Văn Dũng - Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, chính quyền số có giá trị kinh tế khi giúp người dân, doanh nghiệp giảm thời gian đi lại, chờ đợi, chuẩn bị giấy tờ; đồng thời giúp cơ quan nhà nước phối hợp, xử lý công việc và ra quyết định tốt hơn.

Với doanh nghiệp, một thủ tục được giải quyết nhanh hơn có thể góp phần giảm chi phí tuân thủ và tăng tính chủ động trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Một hệ thống thông tin minh bạch giúp giảm thời gian tìm kiếm dữ liệu, hạn chế rủi ro và hỗ trợ quá trình ra quyết

định. Những tác động này tuy không trực tiếp tạo ra sản phẩm, nhưng góp phần cải thiện môi trường để các hoạt động kinh tế diễn ra thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Bùi Văn Dũng cũng lưu ý, muốn lượng hóa lợi ích của chính quyền số phải xây dựng được số liệu ban đầu, xác định thời gian xử lý, chi phí thực hiện, số lần khai lại thông tin, mức độ hài lòng và chi phí vận hành trước, sau khi triển khai.

Điều đó có nghĩa, một địa phương có nhiều dịch vụ công trực tuyến chưa chắc đã đạt hiệu quả cao nếu người dân vẫn phải bổ sung hồ sơ giấy hoặc lặp lại những thao tác đã thực hiện trên môi trường số.

Từ thực tiễn các địa phương như Hà Nội, Huế, Đồng Nai có thể thấy, chuyển đổi số đang mở ra khả năng đổi mới phương thức quản trị và tiết kiệm nguồn lực xã hội. Nhưng để hiệu quả ấy trở thành lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế, điều quan trọng là công nghệ phải gắn với tái cấu trúc quy trình, kết nối dữ liệu và nâng cao trách nhiệm thực thi.

Nguồn: daibieunhandan.vn

HOÀN THÀNH TÍCH HỢP SỔ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ LÊN VNEID CHO 100% NGƯỜI DÂN TRƯỚC 30/6/2027

Văn phòng Trung ương Đảng vừa ban hành Thông báo Kết luận của đồng chí Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (Thông báo số 205-TB/VPTW, ngày 28/10/2026).

Sau đây là nội dung Thông báo số 205-TB/VPTW:

Ngày 22/10/2026, tại Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (sau đây gọi là Nghị quyết số 72-NQ/TW).

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Đảng ủy Bộ Y tế báo cáo và ý kiến các đại biểu, đồng chí Thường trực Ban Bí thư kết luận như sau:

Đây là nghị quyết có ý nghĩa chiến lược, toàn diện và lâu dài, cần được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt trong tổng thể triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các Kết luận Hội nghị Trung ương, Nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị cũng như chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 72-NQ/TW, tạo chuyển biến thực chất trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, đề nghị các ban, bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Đổi mới tư duy, nâng cao trách nhiệm trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Chuyển mạnh từ tư duy "khám bệnh, chữa bệnh" sang tư duy "chăm sóc và quản lý sức khỏe suốt đời." Các mục tiêu, chỉ tiêu về sức khỏe phải được đưa vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, người đứng đầu.

Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu thuốc, vaccine, vật tư y tế; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong cơ chế mua sắm, đấu thầu, cung ứng thuốc và tài chính y tế.

Giao Bộ Y tế ban hành đầy đủ, đồng bộ các thông tư hướng dẫn về định mức kinh tế-kỹ thuật và các nội dung liên quan; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo, bất cập, bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi; xóa bỏ cơ chế "xin - cho," khắc phục tâm lý e ngại, sợ sai trong hoạt động mua sắm, đấu thầu và cung ứng thuốc, vaccine, vật tư, thiết bị y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Hoàn thành trong quý 4/2026.

Giao Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện cơ chế mua sắm tập trung cấp quốc gia và đàm phán giá thuốc; hướng dẫn cụ thể việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tại các cơ sở y tế công lập; khắc phục triệt để tình trạng tự chủ hình thức, nửa vời hoặc áp dụng tự chủ chi thường xuyên đối với bệnh viện tuyến dưới khi chưa đủ điều kiện, dẫn đến tăng gánh nặng chi phí cho người bệnh và nguy cơ tận thu hoặc lạm dụng dịch vụ y tế.

Phân định rõ các nhóm cơ sở y tế theo chức năng, nhiệm vụ và mức độ tự chủ; ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho các cơ sở y tế thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội, cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh cơ bản; chỉ áp dụng mức độ tự chủ cao đối với cơ sở y tế đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho đầu tư nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị có giá trị lớn và công tác phòng, chống dịch bệnh.

Nâng cao chất lượng, năng lực hoạt động của y tế cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với thực hiện mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân. Cần xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch tổng thể, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực, lộ trình và trách nhiệm cụ thể; khắc phục tình trạng chỉ giao thêm nhiệm vụ cho tuyến y tế cơ sở mà không bảo đảm điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và cơ chế tài chính.

Giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát lại toàn bộ mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và cơ chế tài chính của trạm y tế cấp xã, xác định rõ những nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai ngay và những nội dung thực hiện theo lộ trình, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu phân cấp, phân quyền. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, luân phiên, điều động và giữ chân nhân lực cho tuyến cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải có trách nhiệm ưu tiên bố trí bảo đảm nguồn lực cho công tác y tế dự phòng và y tế cơ sở; bảo đảm tối thiểu 30% ngân sách y tế địa phương cho y tế dự phòng.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện. Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW khẩn trương rà soát toàn bộ chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt hoặc đang triển khai và các văn bản pháp luật có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các nội dung còn bất cập, chồng chéo, xác định nhiệm vụ cụ thể phải hoàn thành trong năm 2026 và từng năm tiếp theo gắn với từng giai đoạn thực hiện. Khắc phục tình trạng nhiệm vụ nhiều nhưng không rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính, có tiến độ nhưng không xác định rõ sản phẩm, sơ kết nhưng không lượng hóa được kết quả đầu ra.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Trước mắt ưu tiên bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa-xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 cho y tế dự phòng và y tế cơ sở. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện các quy định về chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề và các chính sách đặc thù cho cán bộ y tế, nhất là nhân lực y tế làm việc tại y tế dự phòng, y tế cơ sở và địa bàn khó khăn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, nâng cấp trạm y tế quân dân y bảo đảm chất lượng, hiệu quả và hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra.

Giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện và tổ chức vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông, đồng bộ, thông suốt với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các dữ liệu chuyên ngành có liên quan, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu cá nhân theo quy định. Ưu tiên đầu tư hoàn

thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại y tế cơ sở; đẩy nhanh triển khai hiệu quả bệnh án điện tử, sổ sức khỏe điện tử, đơn thuốc điện tử, phục vụ quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời; giảm chi phí và thời gian cho người dân.

Giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hoàn thành việc tích hợp sổ sức khỏe điện tử trên hệ thống VNeID cho 100% người dân trước ngày 30/6/2027 để người dân khi đi khám bệnh chỉ cần mang theo Căn cước công dân, không phải mang sổ giấy hay làm lại các xét nghiệm không cần thiết. Trong năm 2026, 100% bệnh viện đạt tiêu chuẩn phải hoàn thành liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, kiên quyết không để tồn tại tình trạng các Bệnh viện cố tình "xét nghiệm lại" để thu phí người dân mà không có lý do chuyên môn chính đáng.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và xây dựng văn hóa sức khỏe trong nhân dân.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông bài bản, thường xuyên, liên tục phù hợp với từng nhóm đối tượng; phổ biến kiến thức, hướng dẫn thực hành lối sống lành mạnh, chủ động phòng bệnh, xây dựng văn hóa sức khỏe trong cộng đồng.

Chú trọng nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân trong việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng; thực hiện dinh dưỡng hợp lý, vận động thể lực thường xuyên, tập luyện thể dục, thể thao, khám sức khỏe định kỳ và chăm sóc sức khỏe tinh thần. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, nhất là các chính sách an sinh xã hội, miễn, giảm viện phí và khám sức khỏe định kỳ; bảo đảm người dân hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia thực hiện.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ không dừng lại ở việc hoàn thiện báo cáo mà phải khẩn trương cụ thể hóa các kết luận, nhiệm vụ thành kế hoạch hành động và tổ chức thực hiện ngay. Mỗi nhiệm vụ phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, cá nhân chịu trách nhiệm, sản phẩm đầu ra, thời hạn hoàn thành và các điều kiện bảo đảm thực hiện. Thiết lập cơ chế theo dõi, đôn đốc và đánh giá thường xuyên, thực chất kết quả thực hiện Nghị quyết, kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập và xác định rõ trách nhiệm đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ, không bảo đảm chất lượng.

Về các kiến nghị, đề xuất, đề nghị Đảng ủy Chính phủ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng ủy Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể để chỉ đạo các cơ quan giải quyết theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

Nguồn: vietnamplus.vn

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỊ TRÍ VIỆC LÀM GẮN VỚI PHƯƠNG ÁN GIAO BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2027-2031

Thực hiện Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế, Thông báo số 269-TB/BTCTW, ngày 13/10/2026, Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW, ngày 19/10/2026, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu vị trí việc làm gắn với xây dựng phương án giao biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2027-2031 (Kế hoạch số 71-KH/BTCTW, ngày 21/10/2026).

Rà soát toàn diện vị trí việc làm, xác định rõ nhu cầu nhân lực

Kế hoạch số 71-KH/BTCTW đặt mục tiêu rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy; làm rõ công việc, sản phẩm, trách nhiệm và yêu cầu năng lực đối với từng vị trí.

Chậm nhất ngày 20/11/2026, hoàn thành việc tiếp nhận, chuẩn hóa, kiểm chứng theo phạm vi dữ liệu đã thu thập và tổng hợp cơ sở dữ liệu; xác định rõ dữ liệu đã xác nhận, dữ liệu cần kiểm chứng và nội dung chưa có, chưa đủ căn cứ. Trên cơ sở đó, xác định nhu cầu nhân lực, khả năng cơ cấu lại đội ngũ và xây dựng phương án giao biên chế từng năm trong giai đoạn 2027 - 2031.

Việc triển khai được thực hiện theo yêu cầu "6 rõ": rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; đồng thời đề cao trách nhiệm người đứng đầu đối với tiến độ, chất lượng và tính chính xác của hồ sơ, dữ liệu.

Các cơ quan, đơn vị phải tổ chức tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp ngay trong quá trình triển khai; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc. Dữ liệu phải có căn cứ, nguồn gốc, kỳ thống kê, mã tham chiếu, trạng thái kiểm chứng và người hoặc cơ quan xác nhận; phân biệt rõ dữ liệu đã tiếp nhận, đã chuẩn hóa, đã kiểm chứng và chưa đủ căn cứ. Kết quả tính đúng về kỹ thuật không thay thế xác nhận nghiệp vụ; không dùng dữ liệu chưa kiểm chứng làm căn cứ trực tiếp đề nghị tăng biên chế.

Hoàn thành xác định nhu cầu nhân lực, phương án bố trí, cơ cấu đội ngũ trước ngày 20/11/2026

Theo tiến độ đề ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành gửi dữ liệu ban đầu trước ngày 10/11/2026; hoàn thành xác định nhu cầu nhân lực, phương án bố trí, cơ cấu lại đội ngũ và phương án biên chế giai đoạn 2027-2031 trước ngày 20/11/2026.

Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, phân tích và dự kiến phương án giao biên chế trước ngày 25/11/2026; hoàn thiện báo cáo, tờ trình và hồ sơ trước ngày 30/11/2026, dự kiến báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế vào đầu tháng 12/2026 và trình Bộ Chính trị trong quý IV/2026 theo chương trình công tác.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: Triển khai Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW và hướng dẫn nghiệp vụ; Tổ chức Hội nghị quán triệt, tập huấn toàn quốc; Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm và đề xuất giao biên chế; Rà soát, phân loại hệ thống văn bản về vị trí việc làm; Chuẩn hóa dữ liệu, kiểm thử và kiểm chứng theo từng đợt; Kiểm tra, thẩm định và hoàn thành cơ sở dữ liệu; Tổng hợp báo cáo và hoàn thiện hồ sơ đề xuất giao biên chế.

Về tổ chức thực hiện, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, thẩm định và tổng hợp kết quả; phối hợp với Bộ Nội vụ, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

Cùng với đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu vị trí việc làm thống nhất trên nền tảng số phải được tiếp tục hoàn thiện trong năm 2026, bảo đảm khả năng kết nối, cập nhật, khai thác và an toàn thông tin.

Ban Chỉ đạo và Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ theo quyết định thành lập, phân công của cấp có thẩm quyền. Trưởng Ban Chỉ đạo chỉ đạo việc tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp dữ liệu và phương án biên chế; đôn đốc tiến độ, xử lý vướng mắc và báo cáo Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế tổ chức thực hiện Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW theo phạm vi quản lý; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kế thừa dữ liệu đã xác nhận, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra và xác nhận kết quả. Cùng với đó, phân công một đầu mối chính; tổ chức hướng dẫn, kiểm thử tại cơ quan, đơn vị đại diện; tiếp nhận, kiểm tra, chuẩn hóa và gửi dữ liệu đúng kỳ, đúng phạm vi, đúng thời hạn. Nội dung thiếu căn cứ phải có đầu mối và thời hạn bổ sung.

Tại địa phương, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo; giao Ban Tổ chức tỉnh ủy, thành ủy làm đầu mối tham mưu, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện, lựa chọn đơn vị làm điểm, kiểm tra dữ liệu và tổng hợp kết quả. Báo cáo phải được kiểm tra, xác nhận theo thẩm quyền quản lý biên chế trước khi gửi Ban Tổ chức Trung ương.

Nguồn: vietnamplus.vn

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN CẤP TÀI KHOẢN HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ QUỐC GIA VỀ HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ TÍN CHỈ CACBON

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Nghị định số 396/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP.

Nghị định 396/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 về đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ cacbon theo hướng quy định rõ cơ quan cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia theo từng nhóm đối tượng.

Cụ thể, Nghị định quy định đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, cơ quan, tổ chức tham gia chương trình, dự án được đăng ký theo các cơ chế tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định này, cơ quan, tổ chức tham gia dự án carbon rừng có diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho cơ sở, cơ quan, tổ chức.

Đối với cơ quan, tổ chức tham gia dự án được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự án cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho tổ chức sau khi phê duyệt đăng ký dự án;

Đối với cơ quan, tổ chức tham gia chương trình, dự án đăng ký theo cơ chế tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định này, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đăng ký tài khoản theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho cơ quan, tổ chức; trường hợp từ chối cấp tài khoản phải nêu rõ lý do.

Việc định danh và xác thực tổ chức, cá nhân khi truy cập, sử dụng Hệ thống đăng ký quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Nghị định 396/2026/NĐ-CP bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 20. Cụ thể, trình tự thực hiện các thủ tục: đăng ký, điều chỉnh, hủy đăng ký dự án carbon rừng; cấp tín chỉ carbon rừng theo cơ chế, trao đổi bù trừ tín chỉ các bon trong nước áp dụng theo quy định tại Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21/5/2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng.

Nghị định 396/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, thay thế một số biểu mẫu tại Phụ lục V và bãi bỏ khoản 3 Điều 20a cùng một số biểu mẫu cũ. Hồ sơ đã được bộ quản lý lĩnh vực tiếp nhận trước ngày 01/8/2026 tiếp tục được giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận, không phải nộp lại.

Nguồn: baochinhphu.vn

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 107-KL/TW VỀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định 2034/QĐ-TTg ngày 23/10/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế.

Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện Kết luận số 107-KL/TW; bảo đảm việc rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm gắn với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Sử dụng kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm làm căn cứ xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền và điều kiện thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Đổi mới công tác quản lý, sử dụng và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ, năng suất và hiệu quả công việc; đổi mới phương thức thực hiện nhiệm vụ, chuyển đổi số và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức thực hiện công việc

Một trong các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch là rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức thực hiện công việc.

Cụ thể, các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; xác định những nội dung thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, chuyển giao nhiệm vụ và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát việc phân công nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; làm rõ nhiệm vụ tiếp tục thực hiện, nhiệm vụ mới được giao, nhiệm vụ chuyển giao, nhiệm vụ không còn thực hiện hoặc thay đổi về phạm vi, đối tượng, quy trình và trách nhiệm giải quyết.

Trên cơ sở kết quả rà soát, xác định những công việc, công đoạn còn chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót hoặc chưa rõ trách nhiệm; đánh giá khả năng điều chỉnh quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, tổ chức thực hiện tập trung hoặc dùng chung, giao tự chủ, đặt hàng, đấu thầu, xã hội hóa dịch vụ công theo quy định.

Đối với nhiệm vụ có khả năng thay đổi phương thức thực hiện, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương đánh giá điều kiện thực hiện, tác động đến khối lượng công việc, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và nhu cầu nhân lực. Đối với nội dung cần điều chỉnh chức năng, nhiệm

vụ, thẩm quyền, tổ chức bộ máy hoặc cơ chế thực hiện vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Việc đề xuất phân cấp, phân quyền phải gắn với phân định rõ trách nhiệm, điều kiện tổ chức thực hiện và nguồn lực cần thiết; bảo đảm nhiệm vụ được giao có cơ quan chịu trách nhiệm, có điều kiện thực hiện và không làm phát sinh chồng chéo về thẩm quyền.

Xác định vị trí việc làm

Nhiệm vụ, giải pháp khác là xác định vị trí việc làm. Cụ thể, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức thực hiện công việc; kế thừa các danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực đã được phê duyệt, xác nhận và còn phù hợp; cập nhật những nội dung thay đổi, còn thiếu hoặc chưa được kiểm chứng.

Việc hoàn thiện vị trí việc làm phải phản ánh đúng nhiệm vụ, công việc chủ yếu, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm, quan hệ công tác và yêu cầu năng lực; phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc, đặc thù ngành, lĩnh vực, địa bàn và mô hình tổ chức. Đối với nhiệm vụ được chuyển giao, phân cấp, phân quyền hoặc thay đổi phương thức thực hiện, phải xác định rõ phần việc còn lại, phần việc phát sinh và trách nhiệm thực hiện ở từng cấp, từng cơ quan, đơn vị.

Chủ động điều chỉnh, thiết kế lại vị trí việc làm khi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc phương thức thực hiện thay đổi. Trường hợp có nội dung cần điều chỉnh thuộc thẩm quyền của cơ quan khác, cơ quan quản lý tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Xác định nhu cầu nhân lực theo vị trí việc làm

Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xác định nhu cầu nhân lực theo từng vị trí việc làm trên cơ sở nhiệm vụ, sản phẩm, khối lượng, tần suất, mức độ phức tạp, chất lượng, thời gian, địa bàn, điều kiện thực hiện và năng lực cần thiết thực hiện nhiệm vụ; lựa chọn phương pháp xác định phù hợp với tính chất của từng nhóm công việc theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan có thẩm quyền.

Việc xác định nhu cầu nhân lực phải tính đến tác động của sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, chuyển giao nhiệm vụ, thay đổi quy trình, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, tổ chức công việc dùng chung, thực hiện tự chủ, đặt hàng, đấu thầu và xã hội hóa dịch vụ công theo quy định. Đối với công việc khó lượng hóa bằng thời gian hoặc sản phẩm định lượng, phải căn cứ đặc điểm nhiệm vụ, mức độ phức tạp, trách nhiệm, tiến độ và yêu cầu năng lực để đánh giá phù hợp; không quy đổi cơ học thành số lượng nhân lực khi chưa có căn cứ. Không đồng nhất một vị trí việc làm với một cá nhân hoặc một chỉ tiêu biên chế; không tự động quy đổi nhu cầu nhân lực thành chỉ tiêu biên chế.

Số liệu về khối lượng công việc, thời gian thực hiện và nhân lực hiện có phải xác định rõ phạm vi, kỳ thống kê, nguồn dữ liệu và cơ quan xác nhận. Đối với nhiệm vụ mới phát sinh,

nhiệm vụ mới chuyển giao hoặc đơn vị chưa có đủ thời gian thống kê, phải thuyết minh rõ cơ sở xác định, không cơ học quy đổi số liệu của thời gian ngắn thành số liệu cả năm.

Xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031

Trên cơ sở nhu cầu nhân lực đã xác định, các bộ, cơ quan, địa phương đối chiếu với đội ngũ hiện có; xác định đúng nơi thừa, nơi thiếu, nơi bố trí chưa phù hợp về cơ cấu chuyên môn và chất lượng; ưu tiên sắp xếp, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả nhân lực hiện có trước khi đề xuất điều chỉnh biên chế. Trên cơ sở đó, xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 theo từng năm, có thuyết minh về cơ sở dự báo, thay đổi nhiệm vụ, quy mô hoạt động và điều kiện bảo đảm thực hiện.

Phương án biên chế phải phân biệt rõ nhu cầu nhân lực theo yêu cầu công việc với số lượng biên chế để xuất và biên chế được cấp có thẩm quyền giao; phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ, khả năng cân đối nguồn lực và quy định về quản lý biên chế. Không lấy số lượng nhân lực tính toán được làm căn cứ tự động đề xuất tăng biên chế hoặc thay thế thẩm quyền quyết định biên chế.

Bộ Nội vụ chủ trì tổng hợp, rà soát tính thống nhất của kết quả xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ; phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đánh giá điều kiện bảo đảm thực hiện, xử lý những nội dung khác biệt, chưa thống nhất thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tiến độ thực hiện

Ngay sau khi Kế hoạch được ban hành, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý; bảo đảm thống nhất với Kết luận số 107-KL/TW, Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW và yêu cầu, tiến độ chung do cơ quan có thẩm quyền xác định.

Trong Quý IV năm 2026, tập trung hoàn thành việc rà soát, cập nhật và kiểm chứng các thông tin, dữ liệu cần thiết; xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp các vấn đề về cơ chế, chính sách, quy định cần xử lý theo thẩm quyền.

Trong năm 2026, phối hợp thực hiện việc cập nhật, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu về vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ với hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất của hệ thống chính trị theo yêu cầu, tiến độ của cơ quan có thẩm quyền.

Từ năm 2027, tiếp tục hoàn thiện vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, phương pháp xác định nhu cầu nhân lực và dữ liệu; rà soát, cập nhật khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, phương thức thực hiện nhiệm vụ hoặc yêu cầu quản lý. Từng bước sử dụng kết quả rà soát trong quản lý, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ, quản lý biên chế theo quy định.

Các mốc tiến độ cụ thể trong quá trình rà soát, tổng hợp và báo cáo được thực hiện thống nhất với Kết luận số 107-KL/TW, Hướng dẫn số 7-HD/BTCTW và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm chất lượng kết quả, không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp chung.

Bộ Nội vụ tổng hợp kết quả thực hiện của các bộ, cơ quan, địa phương, rà soát tính thống nhất của dữ liệu, kết quả xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương theo tiến độ, yêu cầu chung của cấp có thẩm quyền.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THU HÚT VÀ TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI TRONG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC MŨI NHỌN

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Nghị quyết số 336/NQ-CP ngày 23/10/2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 105-KL/TW, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về thu hút và trọng dụng nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Xây dựng Khung tiêu chí quốc gia về nhân tài theo hướng mở

Trong đó, Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ hồ sơ Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về công tác nhân tài.

Xây dựng Khung tiêu chí quốc gia về nhân tài theo hướng mở, linh hoạt, gồm tiêu chí chung và tiêu chí đặc thù theo nhóm đối tượng, ngành, lĩnh vực, loại nhiệm vụ; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định về thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài trong hệ thống chính trị, trong đó có Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm thống nhất với cơ chế, chính sách đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định; nghiên cứu hoàn thiện chính sách về tiền lương, nhà ở, đất đai và phân cấp, phân quyền trong công tác nhân tài, ưu tiên địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo.

Xây dựng, quản lý thống nhất, đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài, Hệ thống chỉ số quốc gia về nhân tài, Cổng thông tin quốc gia về nhân tài; quy định hoặc trình cấp có thẩm quyền quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá, cơ chế thu thập, cập nhật, xác thực, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; bảo đảm thống nhất, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, đánh giá và bảo vệ người thực hiện nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung; xác định rõ căn cứ đánh giá rủi ro khách quan, thiện chí, mức độ tuân thủ và phân biệt với hành vi vi phạm pháp luật, gian lận, vụ lợi, cố ý làm trái; gắn khuyến khích đổi mới, sáng tạo với kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình.

Xây dựng cơ chế biểu dương, tôn vinh nhân tài quốc gia bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất, gắn với hiệu quả cống hiến.

Xây dựng cơ chế phối hợp, liên thông giải quyết thủ tục hành chính đối với nhân tài quốc tế và thành viên gia đình; xác định rõ đầu mối, trách nhiệm, quy trình và thời hạn giải quyết, bảo đảm thống nhất với quy định về nhập cảnh, cư trú và các quy định pháp luật có liên quan.

Xác định, cập nhật danh mục ngành, lĩnh vực mũi nhọn,... cần thu hút nhân tài

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan xác định, cập nhật danh mục ngành, lĩnh vực mũi nhọn, nhiệm vụ chiến lược, chương trình, đề án, dự án, công trình trọng điểm, bài toán lớn quốc gia và nhiệm vụ đột phá cần thu hút nhân tài; trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành, công bố theo thẩm quyền.

Phát triển các nền tảng số, công cụ công nghệ phục vụ tìm kiếm, kết nối, dự báo nhu cầu và điều phối nhân tài; bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài, không đầu tư trùng lặp, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đầu tư xây dựng các Nhóm nghiên cứu mạnh, Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, Trung tâm công nghệ chiến lược, Trung tâm đổi mới sáng tạo chuyên sâu và Trung tâm tính toán hiệu năng cao gắn với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong công tác nhân tài và chỉ áp dụng đối với các cơ chế đặc thù về giao nhiệm vụ, sử dụng, đãi ngộ, tài chính, sở hữu trí tuệ, tiếp cận hạ tầng nghiên cứu đối với nhân tài trong cơ sở nghiên cứu, giáo dục đại học, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ công nghệ chiến lược.

Xây dựng Chương trình "Nhân tài dẫn dắt nhân tài"

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Chương trình "Nhân tài dẫn dắt nhân tài", thực hiện chế độ cố vấn, hướng dẫn, trao đổi giữa chuyên gia đầu ngành với nhân tài trẻ; xây dựng các chương trình phát hiện sớm, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân tài theo nhóm đối tượng, ngành, lĩnh vực và giai đoạn; ưu tiên phát hiện, đào tạo sớm học sinh, sinh viên tài năng trong các lĩnh vực mũi nhọn, chiến lược; bồi dưỡng, nâng tầm chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, nhà quản lý, doanh nhân trẻ và nhân lực kỹ năng cao đạt trình độ quốc tế; gắn đào tạo với nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thực tiễn và có cơ chế theo dõi, hỗ trợ phát triển lâu dài nhân tài.

Xây dựng cơ chế lựa chọn, cử nhà khoa học xuất sắc, tài năng trẻ tham gia đào tạo, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới; gắn kết quả đào tạo, nghiên cứu ở nước ngoài với nhiệm vụ, sản phẩm, yêu cầu phát triển đội ngũ trong nước và việc tiếp nhận, ứng dụng tri thức, công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu cùng đầu tư, sử dụng và phát triển nhân tài.

Xây dựng chương trình đầu tư, nâng cấp một số cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm và trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo đạt trình độ khu vực, quốc tế; xác định danh mục ưu tiên, gắn đầu tư với nhiệm vụ khoa học, công nghệ lớn, dự án trọng điểm và bài toán chiến lược quốc gia để đào tạo, phát triển nhân tài qua thực tiễn

Phát triển các Trung tâm nghiên cứu xuất sắc và Trung tâm kết nối, phát triển nhân tài; xác định mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, nguồn lực và lộ trình thực hiện.

Xây dựng cơ chế tài chính đặc thù cho thu hút và trọng dụng nhân tài

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế tài chính đặc thù cho thu hút và trọng dụng nhân tài; bố trí ngân sách nhà nước cho công tác nhân tài đạt khoảng 0,1% GDP hằng năm trong tổng nguồn lực dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; địa phương tự chủ ngân sách được quyết định mức chi cao hơn.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia phát hiện, tiến cử, thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, đồng tài trợ cho đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, công nghệ cao và công nghệ mới.

Bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm.

Đa dạng hóa phương thức phát hiện, giới thiệu, tiến cử, tuyển chọn nhân tài

Các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các quan điểm, chủ trương, chính sách về thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp thu hút, trọng dụng nhân tài; đưa phát triển nhân tài vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Kết quả thu hút, trọng dụng và phát huy nhân tài là một trong những căn cứ đánh giá trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người đứng đầu.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước để tháo gỡ vướng mắc trong phát hiện, thu hút, sử dụng và phát huy nhân tài. Đổi mới phương thức quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn lực theo hướng đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán chi, tài trợ theo nhiệm vụ, sản phẩm và kết quả phù hợp với tính chất từng lĩnh vực; thúc đẩy hợp tác công tư, đồng tài trợ và đa dạng hóa nguồn lực hợp pháp; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát và hậu kiểm.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn, danh mục ngành, lĩnh vực mũi nhọn và các nhiệm vụ chiến lược, chương trình, đề án, dự án, công trình trọng điểm, bài toán lớn quốc gia và nhiệm vụ đột phá được cấp có thẩm quyền công bố để xác định nhu cầu, số lượng, cơ cấu nhân tài cần thu hút; xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bố trí, sử dụng và phát triển nhân tài phù hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nguồn lực.

Đa dạng hóa phương thức phát hiện, giới thiệu, tiến cử, tuyển chọn nhân tài; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, dựa trên phẩm chất, năng lực, sản phẩm, kết quả và đóng góp thực tế.

Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và địa phương tham gia phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp và địa

phương trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, phát triển nhân tài; khuyến khích chuyên gia, nhà khoa học tham gia cố vấn, hướng dẫn, chuyển giao tri thức và phát triển đội ngũ kế cận.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình nội bộ liên quan đến nhân tài; thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ với đội ngũ nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học và doanh nhân; tiếp nhận, phân loại, xử lý và phản hồi kiến nghị theo thẩm quyền.

Tăng cường mạng lưới, diễn đàn và chương trình hợp tác quốc tế về nhân tài; xây dựng kế hoạch, chương trình đặt hàng, tiếp nhận và sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia quốc tế tham gia đào tạo, cố vấn, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chủ trì hoặc đồng chủ trì các nhiệm vụ, chương trình, dự án chiến lược tại Việt Nam.

Các bộ, cơ quan được giao chủ trì xây dựng đề án thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài theo ngành, lĩnh vực, xác định nhu cầu, số lượng nhân tài cần thu hút và nguồn lực thực hiện, gắn với các nhiệm vụ chiến lược, chương trình, đề án, dự án, công trình trọng điểm, bài toán lớn quốc gia và nhiệm vụ đột phá; tránh trùng lặp về đối tượng, nhiệm vụ hoặc cơ chế, chính sách.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ NGUY CƠ XÂM HẠI, LỪA ĐẢO TRẺ EM TỪ CÔNG NGHỆ SỐ

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 2033/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 (Chiến lược).

Mục tiêu của Chiến lược là đến năm 2030 bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc, được thực hiện đầy đủ quyền của trẻ em; được tiếp cận công bằng các dịch vụ chất lượng trong chăm sóc, giáo dục, bảo vệ, phát triển toàn diện thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, kỹ năng số và năng lực sáng tạo, nhất là đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em tại địa bàn khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tương lai, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước bền vững trong kỷ nguyên mới và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045, mọi trẻ em Việt Nam được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện và hạnh phúc; được bảo đảm đầy đủ các quyền; được tiếp cận và sử dụng công bằng và có chất lượng cao đối với các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, phúc lợi xã hội và các dịch vụ thiết yếu khác. Trẻ em Việt Nam được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, kỹ năng số và năng lực sáng tạo, có khả năng thích ứng với xã hội số, hội nhập quốc tế và trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tỷ lệ tiêm chủng vaccine cho trẻ em trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt trên 95% vào năm 2030

Về mục tiêu bảo đảm trẻ em được sinh ra an toàn, khỏe mạnh, được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và phát triển thể chất, nâng cao tầm vóc, Chiến lược phấn đấu giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống dưới 10 vào năm 2030 và dưới 8 vào năm 2035. Tỷ lệ tiêm chủng các vaccine cho trẻ em trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt trên 95% vào năm 2030 và duy trì trên 95% vào năm 2035...

Về mục tiêu bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng, có chất lượng; phát triển tri thức, phẩm chất, kỹ năng và năng lực thích ứng trong thời đại số, Chiến lược phấn đấu tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 97% vào năm 2030 và duy trì từ 97% trở lên vào năm 2035; tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng sống đạt 95% vào năm 2035; tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng số đạt 95% vào năm 2035...

Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ít nhất 5% mỗi năm

Đối với mục tiêu bảo vệ trẻ em trước nguy cơ bạo lực, xâm hại, bóc lột, tai nạn, thương tích; bảo đảm môi trường sống an toàn và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Chiến lược phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ít nhất 5% mỗi năm đến năm 2030 và phấn đấu giảm 3% mỗi năm trong giai đoạn 2031 - 2035; giảm tỷ lệ lao động trẻ em (người từ 05 - 17 tuổi) xuống dưới 1,1% vào năm 2030 và duy trì dưới 1,1% vào năm 2035; giảm tỷ suất trẻ em tử vong do tai nạn thương tích dưới 12/100.000 trẻ em vào năm 2030 và dưới 11/100.000 trẻ em vào năm 2035 và 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ, can thiệp và tiếp cận các dịch vụ phù hợp theo nhu cầu cơ bản của trẻ em vào năm 2030 và tiếp tục duy trì đến năm 2035.

Về mục tiêu mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, Chiến lược phấn đấu tỷ lệ xã, phường, đặc khu có điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em đạt 85% vào năm 2030 và 90% vào năm 2035.

Đến năm 2027, 100% xã, phường, đặc khu có người được phân công thực hiện công tác trẻ em

Đối với mục tiêu nâng cao năng lực của gia đình và hệ thống công tác trẻ em; tăng cường phối hợp liên ngành, quản lý dữ liệu và chuyển đổi số trong công tác trẻ em, Chiến lược phấn đấu đến năm 2030, hoàn thiện việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu quản lý trẻ em; bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về quản lý dữ liệu đối với trẻ em bị xâm hại và trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030.

Tỷ lệ cha mẹ, người chăm sóc trẻ em được trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ, hỗ trợ sự phát triển toàn diện trẻ em phù hợp theo vòng đời đạt 85% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

Đến năm 2027, 100% xã, phường, đặc khu có người được phân công thực hiện công tác trẻ em và kênh tiếp nhận, kết nối, chuyển xử lý thông tin bảo vệ trẻ em; bảo đảm tiếp cận

Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111 và cơ chế xử lý thông tin khẩn cấp theo quy định; duy trì đến năm 2035.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược đưa ra 8 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: 1- Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao năng lực quản trị, điều phối công tác trẻ em; 2- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phát triển thể chất và hỗ trợ phát triển toàn diện trẻ em; 3- Nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển phẩm chất, năng lực, nguồn nhân lực tương lai; 4- Tăng cường bảo vệ trẻ em và xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện; 5- Thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em và phát triển văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí; 6- Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, thống kê và giám sát, đánh giá công tác trẻ em; 7- Đổi mới truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức và kỹ năng về quyền trẻ em và phát triển toàn diện trẻ em; 8- Huy động các nguồn lực hợp pháp và tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển trẻ em.

Bảo đảm tiếp cận giáo dục có chất lượng, công bằng

Trong đó, Chiến lược thực hiện củng cố mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em và nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường sàng lọc trước sinh, sơ sinh, phát hiện sớm, can thiệp sớm bệnh tật, khuyết tật, rối loạn phát triển và giảm tử vong trẻ em; ưu tiên vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và hải đảo; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí và kết nối, liên thông, cập nhật dữ liệu trên sổ sức khỏe điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan.

Bảo đảm tiếp cận giáo dục có chất lượng, công bằng và bao trùm; hỗ trợ trẻ em đến trường, duy trì việc học, giảm bỏ học; chú trọng bảo đảm điều kiện tiếp cận giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

Triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng

Đồng thời, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường giáo dục sức khỏe, giới tính, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi, tư vấn tâm lý, hỗ trợ sức khỏe tâm thần, phòng, chống bạo lực học đường; triển khai các giải pháp phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước, các nguyên nhân gây tử vong và thương tích hàng đầu ở trẻ em; nhân rộng mô hình gia đình, nhà trường, cộng đồng an toàn, cải thiện điều kiện và trang bị kỹ năng phòng tránh nguy cơ, kỹ năng ứng phó phù hợp với từng nhóm tuổi.

Triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ xâm hại, lừa đảo, bắt nạt, dụ dỗ, bóc lột và các nguy cơ mới phát sinh từ công nghệ số; kết nối các cơ quan có thẩm quyền, gia đình, nhà trường và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số để hỗ trợ kịp thời trẻ em....

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Ông Nguyễn Anh Vũ, Tổng Biên tập Báo Văn Hóa được điều động, bổ nhiệm giữ chức Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ, Đào tạo và Môi trường.

*** Tỉnh Lai Châu**

- Bổ nhiệm ông Kiều Hải Nam, Giám đốc Sở Ngoại vụ, giữ chức Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bổ nhiệm bà Phùng Thị Hương Loan, Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ giữ chức Giám đốc Sở Ngoại vụ.

- Bổ nhiệm ông Bùi Văn Cường, Trưởng phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương giữ chức Phó Giám đốc Sở Công Thương.

- Tiếp nhận ông Nguyễn Văn Thăng, Bí thư Đảng ủy xã Mường Kim, đến nhận công tác tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Sở.

*** Tỉnh Quảng Ngãi**

- Ông Trần Hoài Thu thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Sơn Tây Thượng nhiệm kỳ 2025 - 2030 để điều động đến công tác tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Trần Đức Hùng thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Ba Gia nhiệm kỳ 2025 - 2030 để điều động đến công tác tại Tổ nghiên cứu chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Quang Thạch, Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Đăk Mar nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Nguyễn Đức Hương, Phó Giám đốc Sở Xây dựng được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Đăk Mar nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Trần Đăng Minh, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh đoàn được luân chuyển về công tác tại xã Sơn Tây Thượng; chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Sơn Tây Thượng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Nguyễn Quốc Việt, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025 - 2030 để nhận nhiệm vụ mới theo phân công của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ông Phạm Ngọc Thành, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Ngãi được luân chuyển về công tác tại xã Ba Gia; chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Ba Gia nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Phạm Xuân Vinh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh được tiếp nhận đến công tác tại Tổ nghiên cứu chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ông Hoàng Trung Thông, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi được phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Đăk Kôi.

- Bà Trần Thị Yến thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Đăk Mar nhiệm kỳ 2025 - 2030; được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Ngok Tụ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Tỉnh Lâm Đồng**

Ông Nguyễn Bá Út, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Công Thương Lâm Đồng giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn